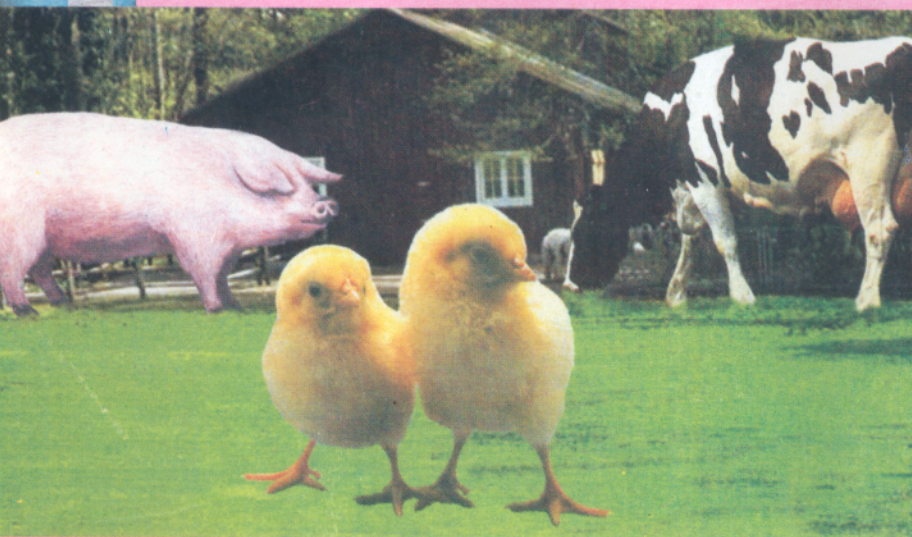


TS. NGUYỄN XUÂN BÌNH

LOẠI THUỐC THÚ Y *Ngoại Nhập*



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

65 LOẠI THUỐC THÚ Y NGOẠI NHẬP

Tiến sĩ NGUYỄN XUÂN BÌNH

**HƯỚNG DẪN CHĂN NUÔI VÀ TRỒNG TRỌT
65 LOẠI THUỐC THÚ Y NGOẠI NHẬP**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

-2001-

I.- KHÁNG SINH NHÓM PENICILLIN

PENICILLIN - G (Benyl penzicillin)

Hũ 1.000.000 UI do các nước Liên Xô, Trung Quốc,
Rumani, Mỹ, Pháp và Việt Nam sản xuất

Thuốc Penicillin G là một loại kháng sinh được trích ra từ nấm. Nó có tác dụng chủ yếu với vi khuẩn Gram (+) gây bệnh ở đường hô hấp, sinh dục và trong máu như : Staphylococcus, Streptococcus (gây nhiễm trùng huyết ở gia súc, gia cầm và viêm vú ở trâu, bò, dê, heo).

Erysipelothrix rhusiopathiae (bệnh đóng dấu son heo), Corynebacterium (gây viêm vú và nhiễm trùng huyết), Clostridium tetanus (bệnh phong đòn gánh), Bacillus anthracis (bệnh nhiệt than). Ngoài ra còn tác dụng với một số vi khuẩn Gram (-) như : Pasteurella (bệnh tụ huyết trùng), Haemophilus (bệnh cúm) và tác dụng cả với xoắn khuẩn Leptospira (bệnh sẩy thai truyền nhiễm).

1) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Khi uống thuốc bị acid dịch vị ở dạ dày phân hủy hoàn toàn, nên mất tác dụng trị bệnh.

— Khi chích bắp thuốc hấp thu rất nhanh. Chỉ trong 5-10 phút đã có tác dụng. Nhưng chỉ sau 30 phút - 3 giờ là thuốc đã bán hủy hết. Vì vậy thuốc điều trị rất tốt trong các bệnh cấp tính. Nhưng phải tiêm nhiều lần trong ngày (ít nhất cũng từ 2-4 lần).

— Sau khi chích thuốc được khuếch tán vào các mô trừ hệ thần kinh và các mô không có máu ở mắt (giác mạc, thủy tinh thể) hoặc mô chai cứng. Penicillin không thấm vào tủy sống và sữa. Nhưng thấm vào nhau thai, các hốc mạc, gan mật. Vì vậy khi điều trị bệnh viêm vú nên phối hợp với nhóm Sulfamid, kết quả mới nhanh khỏi.

— Thuốc được bài tiết qua nước tiểu với nồng độ cao ở thận. Vì vậy thuốc có tác dụng điều trị các trường hợp nhiễm bệnh do vi khuẩn Gram (+) ở đường tiết niệu.

2) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo : Điều trị bệnh viêm phổi, đóng dấu son, phong đòn gánh, nhiệt thán, tụ huyết trùng, cúm, sẩy thai truyền nhiễm do *Leptospira*, bệnh phù do vi khuẩn yếm khí *Clostridium*, bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp.

— Chích bắp liều 10.000 - 15.000 UI/1kg TT/1 lần.
Ngày chích 3-4 lần. Liên tục 3-5 ngày.

(Heo nhỏ chích liều 15.000UI/kg1TT. Heo lớn chích liều 10.000 UI/1kgTT).

Lưu ý : Khi điều trị bệnh viêm khớp hay viêm vú. Thuốc có thể phối hợp với Hydrocortisone hoặc Dexamethasone chích thẳng vào vùng ở khớp hoặc gốc vú (phía trên bầu vú giáp với cơ bụng). Kết quả điều trị khỏi nhanh.

b) Đối với trâu, bò, dê : Điều trị bệnh nhiệt thán, bệnh ung khí thán, bệnh phong đòn gánh (Tetanus), sảy thai truyền nhiễm do *Leptospira*, bệnh tụ huyết trùng, bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp.

— Chích bắp liều 10.000–15.000UI/1kg/1 lần. Ngày chích 2–4 lần. Liên tục 3–5 ngày.

Lưu ý : Khi điều trị bệnh tụ huyết trùng nếu phối hợp với Streptomycin hoặc Kanamycin, (nên chích riêng ở vị trí khác nhau để tránh 2 loại thuốc làm giảm tác dụng của nhau do bị tạo phức khi pha chung hoặc chích chung 1 điểm). Nên phối hợp thuốc với nhóm Sulfamid (Sulfamethoxy pyridazin, Sulfadimethoxin, Septotryl, Polysul, Trisulfa v.v...). Nhưng phải chích ở vị trí khác nhau để tránh kết tủa. Kết quả điều trị rất tốt.

c) Đối với gà, vịt : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm xoang mũi, viêm rốn, viêm khớp.

— Chích bắp liều 50.000 – 100.000UI/1kgTT/1 lần.
Ngày chích 2–3 lần. Liên tục 3–5 ngày.

Lưu ý : Khi điều trị bệnh tụ huyết trùng cũng nên phối hợp với 2 nhóm thuốc như ở phần điều trị bệnh tụ huyết trùng trâu bò. Nhưng phải chích riêng. Có thể phối hợp thêm kháng huyết thanh đa giá tụ huyết trùng (liều 2cc/1kgTT). Kết quả điều trị rất tốt và không tái phát.

AMPICILLIN

- Dạng hũ bột 1g do Pháp sản xuất.
- Dạng viên 250 – 500mg do Cuba sản xuất
- Dạng hũ 60ml chứa 1,5–3,0g do Cuba sản xuất
- Dạng hũ 10–20ml chứa 1–2g do Cuba sản xuất

Thuốc Ampicillin là 1 kháng sinh thuộc nhóm penicillin bán tổng hợp. Nó có hoạt phổ kháng sinh rộng hơn penicillin. Có tác dụng hầu hết với các vi khuẩn Gram (+) và Gram (–) gây bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa và sinh dục ở gia súc và gia cầm như : Staphylococcus, Streptococcus (gây nhiễm trùng máu ở gia súc, gia cầm). Erysipelothrix rhusiopathiae (đóng dấu son heo). Corynebacterium (gây nhiễm trùng huyết và viêm vú). Clostridium Tetani và các loại Clostridium (gây bệnh

phong đòn gánh và phù ở heo). *Bacillus anthracis* (bệnh nhiệt thán trâu, bò, heo). *Pasteurella* (bệnh tụ huyết trùng) *Haemophilus* (bệnh cúm). *E.Coli* (bệnh tiêu chảy phân trắng gia súc, gia cầm). *Salmonella* (bệnh thương hàn). *Klebsiella* (gây nhiễm trùng huyết và viêm vú). *Proteus* (gây nhiễm trùng huyết).

1) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Khi uống thuốc hấp thu kém sau 2 giờ đạt nồng độ cao trong máu. Nên uống trước khi cho ăn để thuốc hấp thu được hết.

— Khi chích thuốc khuếch tán tốt vào các mô sau 30 phút đến 1 giờ. Ở trong máu thuốc được gắn vào protein 18-20%.

— Thuốc được thải trừ qua nước tiểu từ 30-60% (30% khi dùng uống, 60% khi dùng tiêm) và thải trừ qua mật 10-20%. Ở trong mật nồng độ thuốc gấp 9-10 lần trong máu. Nên tác dụng điều trị bệnh thương hàn và tiêu chảy phân trắng rất tốt. Vì mật tiết xuống đường tiêu hóa kèm cả thuốc.

— Trong cơ thể thuốc khuếch tán cả tới màng não, ở khớp và nhau thai. Nên điều trị các bệnh viêm màng não, viêm xoang, viêm khớp, viêm tử cung và viêm vú.

— Trong điều trị có thể phối hợp thuốc với các nhóm

Sulfamid (Septotryl, Polysul, Tetramidan, Sulfadimethoxin v.v...), nhóm Polypeptid (Colistin), nhóm Nitrofurane (Furazolidon). Khi phối hợp thuốc tăng hiệu quả điều trị.

— Không nên trộn chung hoặc pha chung với các kháng sinh trong nhóm Aminosit (Streptomycine, Kanamycin, Gentamycin, Neomycin) do thuốc tạo thành một phức chất làm giảm hiệu lực của thuốc. (Tuy vậy vẫn có thể chích riêng ở 2 vị trí khác nhau trong điều trị bệnh tụ huyết trùng ở gia súc, gia cầm).

— Không nên điều trị phối hợp với các kháng sinh trong nhóm Tetracylin, Chloramphenicol, Erythromycin. Vì các thuốc trong nhóm trên làm ức chế vi khuẩn (kim-khuẩn) không cho vi khuẩn phát triển, nên đưa Ampicillin vào điều trị không phát huy được tác dụng thuốc dư thừa (vì Ampicillin chỉ tác dụng với vi khuẩn đang phát triển). Tuy nhiên vẫn có thể phối hợp trong ngày đầu điều trị vì các kháng sinh Tetracylin, Chloramphenicol, Erythromycin v.v... chưa tác dụng kim khuẩn hết số vi khuẩn gây bệnh có trong cơ thể ngay trong ngày đầu.

2) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo : Đặc trị các bệnh tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, viêm ruột, viêm phổi, tụ huyết trùng,

đồng dấu son, phong đòn gánh, phù thũng, sưng hầu, cúm, viêm vú, viêm tử cung và viêm khớp.

— Liều chích bắp 10mg/1kg TT (hú 1g chích cho 100kg TT) /1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Liều chích tĩnh mạch 5mg/1kg TT/1 ngày.

— Liều uống 30mg/1kg TT (viên 250mg dùng cho heo 8-10kg)/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày.

b) Đối với trâu, bò, dê : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng bê nghé, bệnh viêm ruột tiêu chảy của trâu bò, bệnh viêm phổi, sưng hầu, tụ huyết trùng, nhiệt thán, ung khí thán, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung.

— Chích bắp liều 10mg/1kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Chích tĩnh mạch liều 5mg/1kg TT/1 ngày.

— Uống liều 20mg/1kg TT/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày.

c) Đối với gà, vịt, ngan, ngỗng : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm xoang mũi, tụ huyết trùng.

— Chích bắp liều 50-100mg/1kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Hòa nước uống liều 1g/1,5 lít nước/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày (tương đương liều 100-150mg/1kg TT).

NOVOCIN

Thuốc chích dạng bột đựng trong hũ 400.000 UI.

Do Liên Xô sản xuất

Chất kháng sinh trong NOVOCIN là Penicillin, chất này được phối hợp với Procain hay còn gọi là NOVOCAIN, chất này có tác dụng gây tê (giảm đau nơi tiêm). Đồng thời thuốc hấp thu rất nhanh vào phổi tác dụng điều trị các vi khuẩn Gram (+) như các loại Penicillin G và Ampicillin. Nhưng thuốc tồn đọng lâu trong cơ thể ổn định 24 giờ. Vì vậy dùng điều trị các bệnh ở thể mãn tính hoặc dùng trong giai đoạn cuối của bệnh cấp tính.

1) Thành phần :

- Benzil Penicillin Sodium Sulfate 100.000 UI.
- Benzil Penicillin Procain 300.000 UI.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

+ Trong Novocin có 2 loại Penicillin :

— Loại Penicillin Sodium : Thuốc hấp thu nhanh nhưng cũng thải trừ nhanh. Dùng để điều trị bệnh cấp tính. Vì nó diệt vi trùng ngay lập tức. Nhưng vì nó thải trừ nhanh, chỉ sau 3 giờ thuốc đã đào thải ra ngoài nên

phải tiêm nhiều lần trong ngày. Do nhược điểm đó , người ta phối hợp loại hấp thu nhanh và thải trừ chậm như :

— Penicillin Procaïn : Thuốc tồn đọng lâu trong máu 24 giờ nên chỉ cần chích 1 lần trong ngày, vừa thuận tiện cho việc trị bệnh, vừa ngăn ngừa vi khuẩn tái phát.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, đóng dấu son, phong đòn gánh và phối hợp với các thuốc trong nhóm Aminosit (Streptomycin, Kanamycin, Spectinomycin v.v...) hoặc nhóm Sulfamid (Septotryl, Tetramidan, Polysul v.v...) để điều trị bệnh tụ huyết trùng.

— Chích bắp liều 10.000–15.000UI/kg TT/1 ngày liên tục 3–5 ngày.

b) *Đối với trâu, bò* : Điều trị bệnh viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, nhiệt thân, ung khí thân và tụ huyết trùng (phải phối hợp với nhóm Aminosit và Sulfamid).

— Chích bắp liều 10.000 – 15.000UI/kg TT/1 ngày, Liên tục 3–5 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh viêm rốn, viêm

khớp và phối hợp với nhóm Aminosit hoặc Sulfamid để điều trị bệnh tụ huyết trùng.

— Chích bắp liều 50.000–100.000 UI/kgTT/ 1 ngày. Liên tục 3–5 ngày.

Chú ý : Thuốc NOVOCIN cũng như các thuốc Penicillin khác. Nó thường bị vi khuẩn gây lờn thuốc. Vì vậy khi đã dùng Penicillin điều trị bệnh 1 lần cho gia súc, gia cầm, nếu lần sau cũng gia súc, gia cầm này bị bệnh như lần trước, thì không nên dùng tiếp Penicillin để điều trị mà cần phải thay đổi thuốc khác. Hoặc phối hợp các thuốc khác với Penicillin để tăng hiệu lực điều trị của thuốc.

II.- KHÁNG SINH NHÓM AMINOSID

STREPTOMYCINE

Thuốc chích loại bột đựng trong hũ 1g
do Liên Xô sản xuất.

Streptomycine là một loại kháng sinh diệt khuẩn, nó thuộc nhóm Aminosit nên có tác dụng với vi khuẩn Gram (—) và một số vi khuẩn Gram (+) gây bệnh ở đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục và đường máu như : Staphylococcus, Streptococcus, Corynebacterium, Bacillus anthracis, Pasteurella, Haemophilus, E.Coli, Salmonella, Klebsiella, Proteus và Leptospira.

1) Thành phần :

— Streptomycine Sulfate 1g.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Thuốc bền vững trong mọi trường hợp acid hoặc kiềm trong đường tiêu hóa. Nên dùng cho uống điều trị được các bệnh viêm ruột, tiêu chảy.

— Khi pha thành dung dịch, có thể để được 1 tuần thuốc vẫn còn tác dụng trị bệnh.

— Khi tiêm vào cơ thể thuốc hấp thu nhanh và phân

bổ toàn khắp dịch ngoài tế bào (ngoại trừ dịch não tủy và mắt). Thuốc ngấm vào cả nhau và thai. Vì vậy điều trị các bệnh nhiễm trùng máu và viêm tử cung.

— Ở trong máu 3 giờ thuốc loại thải qua thận. Ở thận nồng độ thuốc cao gấp 100-200 lần so với ở máu. Vì thế gây độc cho thận.

— Cơ chế tác dụng của thuốc là ức chế tổng hợp Protid ở Ribosom, tại đây các Protid lại ngăn cản vi khuẩn tăng trưởng.

— Streptomycine cũng giống Penicillin là hay bị vi khuẩn lờn thuốc. Vì vậy khi điều trị bệnh nên phối hợp với những kháng sinh khác và không nên giữ một liệu trình khá dài hoặc điều trị lặp lại nhiều lần trên 1 con gia súc, gia cầm.

3) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo, trâu, bò : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi. Nếu cho uống điều trị được bệnh tiêu chảy phân trắng hoặc viêm ruột tiêu chảy.

— Chích bắp liều 10-15 mg/1kg TT/1 lần. Ngày chích 2-3 lần. Liên tục 3-5 ngày.

— Cho uống điều trị tiêu chảy liều 20-30mg/1kg TT/1 lần. Ngày 2 lần, liên tục 2 -3 ngày.

b) Đối với gia cầm : Điều trị bệnh tụ huyết trùng (cho uống trị viêm ruột phân trắng).

— Chích bắp liều 100–150 mg/1kg TT. Chia làm 2 lần/1 ngày. Dùng 3–4 ngày.

— Cho uống liều 1g/2 lít nước, dùng liên tục 3–5 ngày.

KANAMYCINE

Thuốc dạng chích chai 100ml do Philippin sản xuất

Kanamycine cũng là một loại kháng sinh thuộc nhóm Aminosit. Thuốc tác dụng mạnh hơn Streptomycine và phổ khuẩn rộng hơn Streptomycine. Điều trị cả được một số bệnh ở đường hô hấp, đường máu và đường tiêu hóa do các vi khuẩn Gram (+) và Gram (–) gây ra như : Staphylococcus, Corynebacterium (VK Gram (+) gây nhiễm trùng huyết và viêm vú), Bacillus Anthracis (VK Gram (+) gây bệnh nhiệt thán), Pasteurella (VK Gram (–) gây bệnh tụ huyết trùng), Bordetella bronchiseptica (VK Gram (–) gây bệnh viêm phổi mãn tính heo), Haemophilus (VK Gram (–) gây bệnh cúm), E.Coli, Salmonella VK Gram (–) gây bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn gia súc, gia cầm). Đặc biệt thuốc tác dụng mạnh

nhất với 2 loại vi khuẩn Gram (-) *Klebsiella* và *Próteus* thường gây bệnh viêm ruột tiêu chảy ở gia súc, gia cầm.

1) Thành phần :

— Kanamycine Sulfate và Bazơ : 15g.

— Dung dịch vừa đủ 100ml.

Mỗi 1ml có chứa 150mg Kanamycine.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Thuốc hòa tan tốt trong nước. Đặc biệt tác dụng diệt khuẩn mạnh trong môi trường kiềm ($\text{pH} > 7$). Không được pha chung hoặc chích chung với những thuốc có độ pH acid (Vitamin C, B6).

— Thuốc uống không hấp thu qua ruột, nên khi cho uống thuốc điều trị trực tiếp những vi khuẩn gây bệnh đường ruột như *E.Coli*, *Salmonella*, *Klebsiella* và *Proteus*.

— Khi tiêm, thuốc khuếch tán tốt và nhanh vào hốc mạc, khớp xương, màng phổi, màng bụng và vào nhau thai. Vì vậy thuốc có tác dụng điều trị các bệnh nhiễm trùng huyết, tụ huyết trùng, viêm phổi và viêm khớp.

— Sau khi tiêm 1/2-1 giờ nồng độ thuốc tập trung cao trong máu. Thuốc thải trừ theo nước tiểu trong thời

gian từ 8–12 giờ. Vì vậy khi điều trị bệnh 1 ngày phải tiêm 2 lần.

— Cơ chế tác dụng với vi khuẩn : Thuốc ức chế tổng hợp Protid ở Ribosom, tạo ra các Protid lạ ngăn cản vi khuẩn tăng trưởng. Hơn nữa nó còn có tác dụng vào vỏ tế bào vi khuẩn.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, bệnh cúm, bệnh viêm phổi, bệnh viêm vú, viêm tử cung, bệnh tiêu chảy phân trắng và viêm ruột tiêu chảy.

— Chích bắp liều 1ml/10–15kgTT (10–15mg/1kg TT) 2 lần/1. ngày. Liên tục 3–5 ngày.

— Uống liều 1ml/7–10kgTT (15–20mg/1kgTT)/1 ngày. Liên tục 3–5 ngày. (Dùng để điều trị bệnh viêm ruột và tiêu chảy phân trắng).

b) *Đối với trâu, bò, ngựa* : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi và viêm ruột.

— Chích bắp liều 1ml/15–30kgTT (bê nghé 1ml/15kgTT, trâu bò lớn 1ml/30kgTT) ngày chích 2 lần. Liên tục 3–5 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, bệnh viêm xoang mũi, bệnh tiêu chảy phân trắng.

— Chích bắp liều 1ml/3–5kgTT (30–50mg/1kgTT)/2 lần/1 ngày. Liên tục 3–4 ngày.

GENTAMYCINE

Thuốc dạng chích chai 100ml do Pháp sản xuất

Đây là một loại thuốc kháng sinh thuộc nhóm Aminosit. Thuốc có tác dụng đặc trị với vi khuẩn *Pseudomonas aeruginosa* (vi khuẩn Gram (–) gây viêm vú và nhiễm trùng huyết ở heo).

Hoạt phổ kháng khuẩn của thuốc rộng hơn các thuốc khác trong nhóm Aminosit : nó điều trị được cả một số vi khuẩn Gram (+) và Gram (–) gây bệnh ở đường máu, đường hô hấp và tiêu hóa như : *Staphylococcus*, *Streptococcus* (gây nhiễm trùng huyết gia súc, gia cầm và viêm vú heo), *Bordetella bronchiseptica* (VK Gram (–) gây viêm phổi mãn tính ở heo và chó), *E.Coli*, *Salmonella*, *Proteus* (VK Gram (–) gây tiêu chảy phân trắng, thương hàn và viêm ruột ở gia súc, gia cầm).

1) Thành phần

— Gentamycin (Sulfate) 4g.

— Parahydroxybenzoate và Methylene 0, 13g.

— Parahydroxybenzoate và Propyle	0,02g.
— Edetade và Sodium	0,01g.
— Bisulfite de Sodium	0,163g.
Dung dịch vừa đủ	100ml.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Thuốc uống không hấp thu được qua ruột vì vậy có thể dùng để điều trị trực tiếp. Các vi khuẩn Gram (—) như E.Coli, Salmonella gây bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn ở gia súc, gia cầm.

— Thuốc chích hấp thu tốt, chỉ sau 30–60 phút là có tác dụng điều trị bệnh. Nhưng chỉ sau 6–8 giờ thuốc đã bán hủy. Thời gian bán hủy kéo dài sau 24 giờ vẫn còn 50% hoạt tính. Ở trong cơ thể, thuốc được kết dính vào protid huyết tương (30%), ngoài ra còn thấm vào nhau thai (đối với gia súc cái), hốc mạc và một ít vào dịch não tủy.

Do thuốc tồn tại trong máu nhiều và lâu. Nên chỉ cần chích 1 liều trong 1 ngày.

Thuốc được bài xuất qua thận và qua mật. Ở mật hoạt tính rất cao. Do môi trường kiềm tính thuốc không bị bán hủy. Từ mật thuốc xuống ruột, nên điều trị được

các bệnh đường tiêu hóa do các vi khuẩn E.Coli và Salmonella gây viêm ruột và tiêu chảy).

— Cơ chế tác dụng của thuốc là ức chế tổng hợp Protein của vi trùng.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Đặc trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi và tiêu chảy phân trắng.

— Liều chính bắp 1ml/4-5kg TT (8-10mg/1kg TT)/1 ngày. Liên tục 3-4 ngày.

Lưu ý : Thuốc phối hợp điều trị tốt là Ampicillin và Carbenicilline (cùng nhóm trong Penicilline).

b) *Đối với trâu, bò* : Điều trị bệnh viêm vú, viêm phổi, tiêu chảy và tiêu chảy phân trắng của bê nghé.

— Liều chính bắp 1ml/8kgTT (5mg/1kgTT/ngày). Liên tục 3-4 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng và nhiễm trùng huyết :

— Chích bắp liều 1ml/1 -2kgTT/1/ ngày 3-4 ngày.

d) *Đối với chó, mèo* : Điều trị bệnh viêm phổi và tiêu chảy :

— Chích bắp hay dưới da liều 1ml/8 -10kg TT (5mg/1kg TT)/1 ngày liên tục 3-5 ngày.

GENTAMYCINE

Thuốc dạng chích chai 100ml do Philipin sản xuất :

1) Thành phần :

— Gentamycin Sulfate và Bazơ : 5g.

— Dung dịch vừa đủ 100ml.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng như Gentamycin của Pháp.

3) Công dụng và liều dùng

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy phân trắng và viêm ruột tiêu chảy.

— Chích bắp liều 1ml/5kgTT (10mg/1kgTT/1 ngày).

Liên tục 3-4 ngày (Heo con có thể chích 1ml/4kg).

b) *Đối với bê, nghé, trâu, bò, ngựa, dê* :

Điều trị bệnh viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng huyết và tiêu chảy do viêm ruột.

— Chích bắp 1ml/5-10kgTT (5-10mg/1kgTT)/1 ngày.

Liên tục 3-4 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh nhiễm trùng huyết và tiêu chảy phân trắng.

— Chích bắp liều 1ml/1-2kg TT (20-50mg/1kgTT) 1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

Thuốc có thể pha với sinh lý mặn, ngọt để chích cho gia cầm nhỏ.

NEOMYCIN

- Thuốc bột dạng uống đựng trong thùng 40kg. Mỹ sản xuất.
- Thuốc bột gói 100g - Neo - Terramycin. Pháp sản xuất.
- Thuốc bột hộp 250 - Neotesol. Hunggari sản xuất.

Thuốc Neomycin cũng là loại kháng sinh thuộc nhóm Aminosid. Tác dụng đặc trị các vi khuẩn Gram (—) gây bệnh ở đường tiêu hóa như : E.Coli, Shigella, Salmonella, Proteus. (Bệnh tiêu chảy phân trắng và viêm ruột.

1) Thành phần :

- Neomycin Sulfat nguyên chất 1kg.
- Neoterramycin và Neotesol có trong tập I.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Giống như Streptomycine, Kanamycine, Gentamycine. Nhưng độc tính của Neomycin với thận và tai rất cao. Vì vậy chỉ dùng uống điều trị nhiễm trùng ruột là chính.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn và viêm ruột tiêu chảy.

— Liều uống 25–50mg/1kgTT/1 ngày. Liên tục 3–4 ngày.

b) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn.

— Liều uống phòng cho gà 250mg/1 lít nước. Liên tục 4–5 ngày. Liều điều trị pha 500mg/1 lít nước. Liên tục 4–5 ngày.

Hoặc trộn thức ăn liều phòng 1g/20kg thức ăn. Liên tục 4–7 ngày. Liều điều trị tăng gấp đôi.

— Dùng cho vịt trộn thức ăn như ở gà. (Tính theo trọng lượng liều 50mg/1kgTT).

Chú ý : Hạn chế dùng cho gà đang đẻ vì thuốc làm rối loạn tiêu hóa và giảm trứng.

SPECTAM POULTRY

Thuốc bột pha tiêm chai 100g
do Công ty Sanofi ở Pháp sản xuất

Thành phần chính trong Spectam Poultry là chất Spectinomycin, một loại kháng sinh mới trong cùng

nhóm Aminocyclitol có cấu trúc gần giống Aminosit. Tác dụng điều trị các bệnh ở đường hô hấp, đường máu và đường tiêu hóa do các vi khuẩn gây bệnh như E.Coli, Salmonella (gây bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn ở gia súc, gia cầm), Pasteurella (gây bệnh tụ huyết trùng) và Mycoplasma (gây bệnh CRD gà và suyễn heo).

1) Thành phần :

- Spectinomycin 10g
- Tá dược vừa đủ 100g.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Khi uống không hấp thu nên tác dụng trực tiếp với vi khuẩn gây bệnh đường ruột như E.Coli, Salmonella.

— Khi chích thuốc hấp thu vào máu và tồn đọng kéo dài 12 giờ. Ở trong cơ thể thuốc chủ yếu ức chế sự tổng hợp Protid của vi khuẩn. Do thuốc kết dính vào tiểu đơn vị 30S của Ribosom làm cho Ribosom không gắn được vào ARN thông tin, nên sự tổng hợp Protid không thực hiện được.

— Thuốc bài tiết chủ yếu qua thận dưới dạng còn hoạt tính, nên vừa có tác dụng trị bệnh nhiễm trùng máu và đường niệu. Nhưng cũng rất độc ở thận. Vì vậy

rất hạn chế điều trị các bệnh cho gia súc mang thai và gia cầm đang đẻ (thuốc có thể gây chết thai và giảm đẻ).

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gia cầm* : Điều trị các bệnh CRD, tụ huyết trùng, tiêu chảy phân trắng, thương hàn và viêm khớp.

— Chích liều 25mg/1kg TT. Chích 2 liều trong 1 ngày. Liên tiếp 3 ngày. (Khi chích pha 400cc nước sinh lý - Chích 1cc/1kg TT).

b) *Đối với các gia súc khác (heo, trâu, bò)* : Vẫn điều trị được các bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy phân trắng.

— Chích bắp liều 10mg/1kg TT (nếu pha như trên. Chích liều 1cc/2,5kg TT/ngày. Liên tục 3-5 ngày.

SPECTAM SCOUR HALT

Dung dịch uống dùng điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng
cho gia súc, gia cầm. Chai 100cc
do Công ty Sauofi - Pháp sản xuất.

Cũng như Spectam Poultry. Thuốc Spectam Scour-halt có chứa chất kháng sinh chính là Spectinomycin. Thuốc có tác dụng mạnh với vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa như E.Coli và Salmonella. Do đặc tính

của thuốc khi uống, không được hấp thu vào cơ thể nên có tác dụng diệt vi khuẩn gây bệnh ngay ở đường ruột.

Nên áp dụng để dùng trị bệnh tiêu chảy ở heo.

1) Thành phần :

— Spectinomycin 5g.

— Dung dịch vừa đủ 100cc.

2) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn và viêm ruột tiêu chảy.

— Cho uống liều 1cc/4-5kg TT, dùng 2 lần/1 ngày.
Liên tục 3-5 ngày.

b) Đối với gia cầm : Vẫn có thể dùng để trị bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn.

— Liều pha uống 2-3cc/1 lít nước. Liên tục 3-5 ngày.

Chú ý : - Chỉ nên dùng cho heo con dưới 7kg trọng lượng.

— Ngừng thuốc trước 5 ngày, trước khi giết thịt.

SPECTAM W.S

Dạng Premix chứa 50% Spectinomycin, thuốc trộn thức ăn cho gia cầm phòng bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn.

Gói 100 - 200 - 1000g do Công ty Sanofi Pháp sản xuất.

1) Thành phần :

— Spectinomycin 50g.

— Tá dược vừa đủ 100g.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gia cầm* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng do E.Coli. Bệnh thương hàn do Salmonella và các vi khuẩn Pasteurella (tụ huyết trùng), Mycoplasma (CRD) lây nhiễm qua thức ăn, nước uống vào cơ thể gia cầm.

— Phòng bệnh pha 1g/1 lít nước uống liên tục 3 ngày/1 tuần. Và đặc biệt sau khi chủng vaccin dịch tả 3 ngày, cũng phải dùng tiếp liều phòng trên để chống bội nhiễm các vi khuẩn trên.

— Trị bệnh pha 1g/1 lít nước. Dùng liên tục 3-5 ngày.

b) *Đối với heo và bê nghé* : Vẫn dùng để điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng.

— Liều uống 1g/50kg TT/1 ngày. Dùng liên tục 3-5 ngày.

SPECTAM LARGE ANIMALS

Dung dịch tiêm chai 100-500ml
do Công ty Sanofi - Pháp sản xuất.*

Thành phần kháng sinh trong Spectam Large Animals là Spetinomycin, một loại kháng sinh trong nhóm Aminocyclitol (gần giống như Aminosid). Tác dụng chính của Spetinomycine là tiêu diệt 1 số vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa và hô hấp như ; E.Coli, Salmonella, Pasteurella. Ngoài ra cũng có tác dụng với vi khuẩn Mycoplasma gây bệnh CRD và viêm khớp ở gia cầm và viêm phổi ở heo.

1) Thành phần :

- Spetinomycin 10g
- Dung dịch vừa đủ 100ml

2) Tính chất và cơ chế tác dụng : Như thuốc SPECTAM PÓULTRY và SPECTAM SCOUR HALT.

3) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo, bê, nghé, dê : Điều trị bệnh suyễn heo, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy ở heo, bê, nghé, dê...

— Chích bắp liều 1cc/5kg TT. Ngày chích 2 lần. Liên tục 3 ngày.

Chú ý : - Ngưng thuốc sau 12 giờ mới được dùng sữa và sau 5 ngày mới được giết thịt.

MERIMICINE BUENABLE

Thuốc dạng bột hòa tan trong nước để cho uống.

Chai 150cc hoặc bịch 6cc. Do Pháp sản xuất

Đây cũng là loại kháng sinh thuộc nhóm Aminosit. Thành phần chất kháng sinh là Apramycine. Tác dụng với các vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) như thuốc Merimicine 200. Điều trị các bệnh đường tiêu hóa là chính (vì thuốc chế ở dạng uống. Nên không hấp thu qua đường tiêu hóa. Thuốc tác dụng trực tiếp với các vi khuẩn E.Coli, Salmonella gây bệnh trên đường tiêu hóa.

1) Thành phần :

— Chai 150cc có 50g Apramycin.

— Bịch 6cc có 2g Apramycin.

Trong 1cc có 333 mg Apramycin Sulfate.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo bê, nghé* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy.

— Heo uống 1cc/1-1,5kg TT/1 ngày (liều 25-30mg 1kg TT). Liên tục 5-7 ngày.

— Bê, nghé 1cc/1-1,5kg TT/1 ngày. Liên tục 5 ngày.

Lưu ý : - Nước uống hoặc thức ăn nếu hòa thuốc vào đó thì không được trộn các chất có chứa sắt (như Premix

khoáng hoặc Siro sắt. Vì Ion sắt làm giảm tác dụng thuốc).

— Nếu pha thuốc với sữa thì dùng ngay không để quá lâu.

MERIMICINE 20 PREMIX

MERIMICINE 100 PREMIX

Hai loại Premix có chứa chất kháng sinh Apramycin 2 10% (bao 5-25kg gói 100g). Dùng trộn vào thức ăn để trị viêm ruột.

Thuốc do Pháp sản xuất.

Cũng như dạng thuốc uống. Trong dạng Premix Meri- Micine 20 - 100 chủ yếu trộn vào thức ăn cho gia súc để phòng và trị bệnh viêm ruột do các vi khuẩn Gram (-) như : E.Coli, Salmonella gây bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn ở gia súc, gia cầm. Thuốc dùng chủ yếu cho heo và gia cầm.

1) Thành phần :

Loại Merimicine 20 :

- | | |
|-----------------------|-----------|
| — Apramycine Sulphate | 2g (2,0g) |
| — Tá dược vừa đủ | 100g. |

Loại Merimicine 100 :

- | | |
|-----------------------|--------------|
| — Apramycine Sulphate | 10g (10,0g). |
| — Tá dược vừa đủ | 100g. |

2) **Tính chất và cơ chế tác dụng** : Giống như các thuốc trong nhóm Aminosit.

3) **Công dụng và liều dùng** :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn và viêm ruột.

+ Trộn thức ăn :

— Loại Merimicine 20 : Tỷ lệ 0,5% (0,5kg/100kg TĂ).

— Loại Merimicine 100 : tỷ lệ 0,1% (0,1kg/100kg TĂ).
Dùng thức ăn có thuốc trên liên tục 3 tuần kể từ khi tập ăn cho heo con.

b) *Đối với gà* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng.

— Trộn thức ăn loại 20 pha 1% (1kg/100kg TĂ).

— Loại 100 pha 0,2% (200g/100kg TĂ). Dùng liên tục 3 tuần sau khi nở.

MERIMICINE 200 INJECTION

Thuốc chích chai 100cc do Pháp sản xuất

Đây là 1 loại kháng sinh mới. Chất kháng sinh chính là Apramycine - thuộc nhóm Aminosit (cùng nhóm với các thuốc Streptomycin, Kanamycine, Neomycine, Gen-

tamycine và Spectinomycine). Có tác dụng rộng với các vi khuẩn Gram (+) và (-) đặc biệt đối với Salmonella, E.Coli, Streptococcus và Staphylococcus. Gây bệnh trên đường hô hấp và tiêu hóa của gia súc, gia cầm.

1) Thành phần :

— Apramycine 20g

— Dung dịch vừa đủ 100cc.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Giống như các thuốc trong nhóm Aminositid.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo, trâu, bò* : Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy phân trắng và thương hàn.

— Chích bắp liều 1cc/10kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

Lưu ý : - không chích quá 10cc trên 1 vị trí.

— Không dùng liều trên liên tục quá 5 ngày. Vì thuốc gây độc ở thận và thần kinh.

— Không pha chung, trộn chung với các thuốc khác trong cùng ống tiêm.

— Không dùng chung với các thuốc có tính chất lợi niệu (giải độc trên thận).

— Không được dùng cho gia súc lấy sữa.

MERISOLONE

Thuốc chích hỗn hợp giữa Penicilline và Neomycin Sulfate.

Chai 100 -250cc do Pháp sản xuất.

Sự phối hợp 2 loại khoáng sinh ở 2 nhóm khác nhau (Penicilline thuộc nhóm Beta - Lactamin và Neomycine thuộc nhóm Aminosid). Với tác dụng làm tăng hoạt phổ diệt khuẩn và giảm được hiện tượng dị ứng do Penicilline và giảm được độ độc với thận và thần kinh do Neomycine).

Tác dụng của Merisolone với hầu hết các vi khuẩn Gram (+) và một số vi khuẩn Gram (-) gây bệnh cấp tính nhiễm trùng huyết. Bệnh ở đường hô hấp, sinh dục do các vi khuẩn như : Staphylococcus, Streptococcus, Erysipelothrix Rhusiopathiae (đóng dấu son), Corynebacterium (viêm vú), Clostridium Tetani (phong đòn gánh), Pasteurella (tụ huyết trùng), Haemophilus (cúm), Leptospira (sẩy thai truyền nhiễm).

1) Thành phần :

- Penicillin G procain 20 triệu UI
- Neomycin Sulfate 12g.
- Methyl-Prednisolone 0,4g.
- Procain Hydrochloride 3g.
- Dung dịch vừa đủ 100cc.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Giống như thuốc Penicilline và Neomycine.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, đóng dấu son, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, sảy thai truyền nhiễm, cúm, phong đòn gánh.

— Chích bắp liều 1cc/10kg TT/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày. Không chích quá 10cc/1 vị trí.

b) *Đối với trâu bò* : Điều trị bệnh sưng hầu, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, nhiệt thán, ung khí thán và sảy thai truyền nhiễm.

— Chích bắp liều 1cc/10kg TT/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày.

Lưu ý : - Không chích quá 25cc/1 điểm chích.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tụ huyết trùng và viêm khớp.

— Chích bắp liều $1^{cc}/4-5\text{kg}$ TT/1 ngày liên tục 3-4 ngày.

Lưu ý chung ; - Khi chích cho gia súc, gia cầm nếu thấy có phản ứng xù lông, chảy nước miếng hay đỏ toàn thân, thì phải ngưng thuốc, không được chích tiếp liều sau. (Có thể do cơ thể bị dị ứng với Penicillin).

MIXTENCILLINE

Thuốc chích hỗn hợp giữa Penicilline và Streptomycine.

Chai 100-250cc do Pháp sản xuất

Cũng như Merisolone, Mixtencilline là một thuốc hỗn hợp 2 loại kháng sinh trong 2 nhóm Beta Lactamin và Aminosit. Thuốc có phổ diệt khuẩn rộng, kháng viêm cao trong các bệnh nhiễm khuẩn Gram (+), Gram (-) ở đường máu, hô hấp ; tiêu hóa, sinh dục, khớp (như thuốc Merisolone).

1) Thành phần :

— Penicillin G Procain 20 triệu UI.

— Dihydro Streptomycin Sulfate. 20g.

— Procain hydro chloride 3g.

— Dung dịch vừa đủ 100cc.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng : Như trong phần thuốc Penicilline và Streptomycine.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo :* Điều trị bệnh tụ huyết trùng, đóng dấu son, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, sẩy thai truyền nhiễm, phù thũng (do vi khuẩn yếm khí Clostridium).

— Chích bắp liều 1cc/7-10kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

b) *Đối với bê, nghé, trâu bò :* Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, nhiệt thán, ung khí thán và sẩy thai truyền nhiễm :

— Chích bắp 1cc/10kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

c) *Đối với gia cầm :* Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm xoang mũi.

— Chích bắp 1cc/5kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

d) *Chó mèo :* Điều trị bệnh viêm phổi và phù thũng.

— Chích bắp 1cc/10kg TT/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

III. CÁC THUỐC KHÁNG SINH KHÁC

TIAMUTIN

Thuốc Tiamutin còn có tên khác là Tiotilin hay Tiamulin.

Thuốc đặc trị CRD gà và lợn. Dạng bột gói 1kg do Công ty Sandoz Thụy Sĩ sản xuất.

Thuốc Tiamutin là một kháng sinh bán tổng hợp được nghiên cứu từ năm 1951, đến năm 1963 đã được đưa vào sử dụng. Thuốc có công thức $C_{28}H_{47}NO_4S - C_4H_4O_4$ (14-desoxy-14 [(2 diethylaminoethyl) - Thio - acetoxy] mutilin hydrogenfumarate, hay còn viết là Tiamulin hydrogen fumarate. Tác dụng đặc trị các vi khuẩn *Mycoplasma* (*Mycoplasma gallisepticum*, *M. sinoviae*, *M. hyopneumonia*, *M. hyorhinis*, *M. pullorum*, *M. galinaceum* v.v...) gây các bệnh CRD, viêm khớp, viêm màng túi khí ở gà, vịt, ngỗng và bệnh suyễn ở heo. Thuốc còn có tác dụng với cả một số vi khuẩn khác như *Staphylococci*, *Streptococci* gây nhiễm trùng huyết, viêm khớp. Tác dụng với cả xoắn khuẩn *Leptospira Canicola* (gây sảy thai truyền nhiễm) và *Treponema hyodysenteriae* gây tiêu chảy ở heo (bệnh lỵ). Đây là 1 loại kháng sinh sử dụng hiệu quả nhất hiện nay trong điều trị bệnh CRD ở gia cầm. Nó hơn hẳn các kháng

sinh trước đây có tác dụng đặc trị CRD như Tylan (Tylosin), Suanovil (Spiramycin), Erythromycine, Galimycine, Terramycin v.v... Thuốc sử dụng bằng 1/2 liều Tylan và dùng trong 2-3 ngày đã khỏi bệnh không có sự lờn thuốc với vi khuẩn và không ảnh hưởng đến tốc độ tăng trọng của gia súc, gia cầm non. Không ảnh hưởng tới tỷ lệ đẻ trứng, màu sắc của trứng cũng như tỷ lệ nở của trứng. Với liều phòng có tác dụng kích thích tăng trọng và đẻ nhiều với liều gấp đôi liều phòng có tác dụng trị bệnh.

1) Thành phần trong 1kg loại premix 10% :

- Tiamulin hydrogen fumarate 100g.
- Tá dược + gelatin bao bọc thuốc vừa đủ 1kg.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Loại premix 10% có chất gelatin bao bọc các phân tử của thuốc. Mục đích để bảo quản thuốc trong các điều kiện nóng, ẩm, hay trong thức ăn có những hóa chất khác tác động vào thuốc vẫn không bị hư hỏng.

— Khi thuốc được đưa vào cơ thể qua con đường thức ăn, thuốc được hấp thu qua thành ruột vào máu, tới gan và đi vào các cơ quan trong cơ thể, nhưng tập trung cao nhất ở phổi. Chỉ sau 2 giờ thuốc ở phổi có nồng độ gấp 20 lần ở trong máu. Vì vậy thuốc Tiamutin mới đặc trị

bệnh CRD và suyễn (do vi khuẩn này khu trú ở phổi là chủ yếu). Sau 12 giờ thuốc được loại thải qua gan xuống mật và ra ngoài theo đường tiêu hóa. Tuy thế sau 7 ngày hàm lượng thuốc vẫn còn lưu động ở các chất nhầy trong phế quản phổi.

— Thuốc không gây độc cho cơ thể gia súc và gia cầm. Mặc dù dùng liều gấp 20 lần vẫn không độc. Những sản phẩm thịt, trứng sữa cũng không độc cho người. (Nếu chỉ dùng liều phòng bệnh thì không cần ngưng thuốc trước khi giết mổ gia súc và gia cầm thịt. Nhưng nếu dùng liều điều trị thì phải ngưng thuốc trước 3 ngày mới được giết thịt.

— Cơ chế tác dụng của thuốc là ức chế sự tổng hợp Protein ở tiểu thể 70S của Ribosom.

— Không được dùng chung với một số thuốc trị cầu trùng như Monensin, Salinomycin và Na-Asin. Vì 3 chất này liều trị bệnh và liều gây độc rất gần nhau (chỉ tăng gấp 2 lần là đã độc). Do Tiamulin làm cản sự đào thải các chất trên, làm ứ đọng các chất trên tích đọng lại ở gan. Chất độc tác động tới cơ tim gây thoái hóa tim và tê liệt thần kinh gây nên ngộ độc chết.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh suyễn, bệnh tiêu chảy phân đen có máu (bệnh lý), viêm khớp, viêm vú.

— Trộn thức ăn liều 2g/1kg TĂ. Liên tục 5-10 ngày.
Hoặc cho uống 1g/20 - 25kg TT (tương đương liều nguyên chất 40-50mg/1kg TT).

b) *Đối với gia cầm* : Đặc trị bệnh CRD và viêm khớp ở gà, vịt, ngỗng :

— Phòng bệnh trộn thức ăn liều 1g/2kg TĂ. Liên tục 5-7 ngày/1 tháng.

— Trị bệnh trộn 3g/1kg TĂ. Liên tục 3-5 ngày.

Chú ý chung : - Nếu điều trị bệnh ghép với E.Coli, Salmonella, hoặc các vi khuẩn Gram (+) hoặc Gram (-) khác. Ta có thể phối hợp thuốc với Tetramycin, thuốc sẽ tăng hiệu lực điều trị bệnh gấp 4-5 lần. Hoặc phối hợp với các thuốc trong nhóm Sulfamid kết quả điều trị rất tốt.

TIOTILIN 45%

Thuốc bột dạng hạt đựng trong gói 13,9g
do Công ty Sandoz AG Thụy Sĩ sản xuất

Thuốc kháng sinh tổng hợp tác dụng đặc trị các bệnh CRD gà, suyễn heo, lý heo, cúm heo v.v... như phần

Tiotilin loại uống và chích. Thuốc được đóng bịch nhỏ cho dễ sử dụng.

1) Thành phần :

— Tiamulin 450g

— Tá dược vừa đủ 1.000g

+ Thuốc được triết ra gói nhỏ 13,9g/gói và đựng trong 1 hộp 20 gói. Hoặc trong hũ 139g.

2) Liều dùng :

a) *Đối với heo* : + Điều trị tiêu chảy phân trắng.

— Pha 1 gói 13,9g trong 90cc nước cho uống 1cc/10kg thể trọng/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày. Nếu trộn vào thức ăn thì dùng 1 gói 13,9g cho 70 heo con khoảng 20kg/1 con (tương đương liều nguyên chất 40-45mg/1kg TT).

— Khi điều trị bệnh suyễn hay cúm thì dùng liều cho uống 1cc/6-7kgTT/1 ngày. Liên tục 5-10 ngày.

b) *Đối với gà* : + Điều trị bệnh CRD và viêm khớp.

— Pha gói 13,9g /25 lít nước (1g/2 lít) cho uống liên tục 3-5 ngày.

— Khi phòng pha 1 gói 13,9g/50 lít nước. Dùng 1-3 ngày 1, 2, 3, 4 tháng đầu. Từ tháng thứ 5 trở đi, dùng 5-7 ngày/ tuần.

Chú ý : – Không dùng chung với thuốc Monensin và Salinomycin.

— Giữ nơi khô, ráo, mát, tránh ánh sáng.

TIAMULIN 12,5%

Tên khác Tiotlin. Loại uống chai 100ml
do công ty Sandoz Thụy Sĩ sản xuất

Tác dụng đặc trị bệnh CRD của gia cầm, suyễn và lỵ của heo. Thuốc chế dạng nước để tiện dùng cho gia cầm nhỏ. Thuốc pha nước uống để phòng hoặc trị bệnh cho gia súc, gia cầm như phần thuốc Premix Tiamulin 10%.

1) Thành phần :

— Tiamulin hydrogen fumarate 12,5g.

— Dung dịch vừa đủ 100ml.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Giống như phần Premix Tiamulin 10%.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh suyễn, viêm khớp, viêm vú, tiêu chảy (dạng lỵ).

— Uống liều 1cc/3kg TT/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

b) Đối với gia cầm : Phòng và trị bệnh CRD gà, viêm xoang mũi vịt, viêm khớp gia cầm.

— Liều phòng pha 1cc/1 lít nước uống dùng theo quy trình sau :

Tháng thứ nhất dùng vào các ngày tuổi : 4, 5, 6, 7-13, 14-20, 21-28, 29, 30, 31.

Từ tháng thứ hai trở đi dùng 5-7 ngày/1 tháng.

— Liều trị pha 2cc/1 lít nước. Liên tục 3-5 ngày.

Chú ý : - Không dùng chung với thuốc trị cầu trùng Monensin, Salinomycin.

— Giữ nơi khô ráo, mát, tránh ánh sáng.

TIOTILIN 10%

Thuốc chích chai 100ml do công ty Sandoz
AG Thụy Sĩ sản xuất

Đây là thuốc kháng sinh mới có tác dụng đặc trị bệnh CRD gà do Mycoplasma và bệnh suyễn heo do Mycoplasma, bệnh cúm heo do Haemophilus, bệnh tụ huyết trùng heo do Pasteurella, bệnh ly heo (phân trắng) do Treponema hyodysenteriae. Công dụng đặc trị các bệnh như phần Tiotilin bột.

1) Thành phần :

— Tiamulin hydrogen Fumarate 10g.

— Dung dịch vừa đủ.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh suyễn, cúm, tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm vú.

— Chích bắp liều 1cc/6–10kg TT/1 ngày. Liên tục 3–5 ngày.

b) *Đối với gà vịt* : Điều trị bệnh CRD viêm khớp, viêm xoang mũi, tụ huyết trùng.

— Chích bắp liều 1cc/6kg TT/1 ngày liên tục 3–5 ngày.

Chú ý : – Khi chích thuốc Tiotilin để điều trị bệnh, không được trộn vào thức ăn thuốc trị cầu trùng Monensin hoặc Salinomycin.

— Giữ thuốc nơi tối, mát, tránh ánh sáng.

LINCOMYCIN

Thuốc uống dạng viên 250–500mg. Thuốc chích dạng ống 600mg trong ống 2ml hoặc 10ml do CANADA sản xuất

Chất kháng sinh Lincomycin thuộc nhóm Lincosamid. Tuy cấu trúc hóa học khác nhóm Macrolid

(Suanovil, Tylan, Erythromycin v.v...), nhưng tác dụng trị bệnh lại giống các kháng sinh trong nhóm Macrolid. Thuốc tác dụng tốt với các vi khuẩn Gram (+) như: Staphylococcus, Streptococcus, Clostridium, Bacillus, Anthracis, Corynebacterium, Bordetella, và một số loại khác Leptospira, Treponema hyodysenterial, Mycoplasma.

1) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Thuốc bột màu trắng, dễ tan trong nước, vững bền trong môi trường acid, nên dùng cho uống được. Khi uống thuốc hấp thu qua ruột vào gan đi vào các tổ chức mô, hóc mạc, tuyến sữa, nhau thai, mô xương vì lẽ đó nên có tác dụng điều trị tốt với các bệnh ở đường hô hấp, sinh dục, đường máu, tai, mũi, họng và ở da. Sau khi uống 1 giờ thuốc có nồng độ cao trong máu và sau 3-4 giờ đã loại thải ra ngoài. Vì vậy phải uống hoặc chích 2-3 lần/1 ngày.

— Thuốc được thải trừ qua 2 đường : 1 phần chuyển từ gan xuống mật ra đường tiêu hóa. Phần khác qua thận theo nước tiểu ra ngoài. Ở đường niệu thuốc còn giữ nguyên hoạt tính nên tác dụng điều trị bệnh đường tiết niệu và sinh dục rất tốt.

— Cơ chế tác dụng của thuốc giống nhóm Macrolid

(Erythromycin, Suanovil, Tylan). Thuốc được kết dính vào 1 điểm trên tiểu đơn vị 50S của Ribosom làm cho ARN vận chuyển không giải mã được. Do đó sự tổng hợp Protid của vi khuẩn không tiến hành được.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo, trâu, bò* : Điều trị bệnh viêm phổi, sưng heo, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm, tiêu chảy dạng lỵ heo. Bệnh ung khí thán và nhiệt thán trâu bò.

— Chích bắp liều 10-15mg/1kg TT. Chia làm 2-3 lần/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Hoặc uống liều 30-40mg/1kg TT. Chia làm 2-3 lần/ngày. Liên tục 3-5 ngày.

b) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh CRD gà, viêm xoang mũi vịt và viêm khớp gia cầm.

— Chích bắp liều 20-30mg/1kg TT. Chia làm 2 lần/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Hoặc pha nước uống liều phòng 250mg/1 lít nước uống. Liên tục 5 ngày. Liều điều trị pha 500mg/1 lít nước uống. Liên tục 5 ngày.

Lưu ý chung : - Khi điều trị bệnh không nên dùng phối hợp với các kháng sinh Penicillin, Ampicillin,

Streptomycin, Kanamycin, Gentamycin, Erythromycin... (các thuốc trong 3 nhóm Betalactamin, Macrolid, Aminosit). Vì thuốc đối kháng và tăng độc tính đối với thận.

— Thuốc có thể phối hợp chung với các kháng sinh trong nhóm Sulfamid (Polysul, Septotryl, Tetramidan v.v...), nhóm Chloramphenicol, nhóm Furazolidon. Dùng để điều trị phối hợp các bệnh do vi khuẩn Gram (-) gây ra như E.Coli, thương hàn, viêm ruột ở gia súc, gia cầm.

— Không nên cho uống thuốc chung với dung dịch hoặc thức ăn có thuốc xổ Magiê Sulfat vì hai thuốc tương kỵ nhau.

IMÉQUYL 10%

Thuốc bột gói 100g do Pháp sản xuất

Đây là một hóa dược nhưng có tác dụng kháng khuẩn. Đặc biệt là các vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa và hô hấp ở gia súc, gia cầm như : E.Coli, Salmonella, Klebsiella, Pasteurella, Haemophilus. Ngoài ra còn có tác dụng cả với Mycoplasma gây bệnh suyễn ở heo và C.R.D ở gà.

1) Thành phần :

- Flumequine 10g
- NaCO₃ 25g
- Tá được vừa đủ 100g

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Flumequine là một hóa liệu kháng khuẩn thuộc nhóm Quinolones. Khi uống thuốc được hấp thu 80-90% (nhờ Glycuro chuyển hóa). Sau 2 giờ thuốc có nồng độ cao trong máu và sau 7 giờ thuốc bắt đầu loại thải và sau 48 giờ thuốc được loại thải hết qua thận 90-95% còn một ít được thải trừ qua mật.

— Trong cơ thể thuốc tác động với vi khuẩn bằng cách ức chế sự phân chia tế bào vi khuẩn, không cho nhân ADN nhân đôi hình thành nên những tế bào vi khuẩn mới.

— Trong điều trị có thể phối hợp thuốc với nhóm Aminosit (Streptomycine, Kanamycine, Gentamycine, Neomycine) hoặc nhóm Polymyxines (Belcomycine, Colistine) làm tăng tác dụng của thuốc trong điều trị bệnh.

Không được phối hợp với các thuốc trong nhóm

Tetracycline, *Nitrofuranes* (Furazolidon) và *Trimethoprim* vì đôi kháng làm mất tác dụng của thuốc.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, cúm và suyễn.

— Liều uống : 100–150mg/1kg TT (1g/6 – 10kg TT). Ngày uống 2 lần. Liên tục 3–5 ngày. (Liều nguyên chất 15–20mg/1kg TT).

b) *Đối với gà, vịt, ngỗng* : Điều trị bệnh phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, CRD gà, viêm xoang mũi vịt.

— Liều uống pha 1g/1 lít nước. Dùng liên tục 5–6 ngày (tương đương liều 120–150mg/1kg. Liều nguyên chất 12–15mg/1kg TT).

c) *Đối với bê nghé, trâu bò* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy.

— Liều uống : 100–150mg/1kg TT (2g/15kg TT) ngày uống 2 lần. Liên tục 5–7 ngày.

d) *Đối với cá* : Điều trị bệnh nhiễm trùng máu do *Aeromonas* (furunculosis), *Yersinia*, *Nibrio*, *Edwardsiella*, *Pasteurella* SPP).

— Liều 120 -150mg/1kg TT (liều nguyên chất 12-15mg/1kg TT). Trộn vào thức ăn viên cho ăn 2 lần/ ngày. Liên tục 6 ngày.

Chú ý : Do thuốc đào thải nhanh qua khỏi cơ thể (7 giờ đã bắt đầu loại thải) vì vậy muốn có nồng độ thuốc ổn định trong máu phải dùng liều điều trị trên chia ra 2-4 lần trong ngày (sáng, trưa, chiều, tối). Trong điều kiện khí hậu nóng nên nước hấp thu nhanh. Vì vậy phải giảm liều từ 20 -25% (ví dụ liều cho gà là 1g/1 lít nước, ta chỉ dùng 0,75g/1 lít nước.

IMÉQUYL 20%

Dung dịch pha nước uống chai 100ml do Pháp sản xuất

Loại thuốc kháng sinh tổng hợp diệt khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa và hô hấp ở gia súc gia cầm như : E.Coli, Salmonella, Pasteurella, Haemophilus và tụ cầu khuẩn Staphylococcus gây nhiễm trùng huyết và viêm khớp.

1) Thành phần :

- | | |
|----------------|-----|
| — Fbumequatre | 20g |
| — Cồn Benzylic | 1cc |

— Dung dịch vừa đủ 100cc

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, cúm.

— Cho uống liều 1cc/10–15kg TT (liều nguyên chất 15–20mg/1kg TT)/1 ngày. Liên tục 3–5 ngày.

b) *Đối với gà* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, cúm, viêm khớp.

+ *Đối với gà thịt* vừa phòng bệnh vừa kích thích tăng trọng :

— Gà 1–10 ngày tuổi pha 1cc/4 lít nước. Dùng 4–7 ngày.

— Gà 4–5 tuần tuổi pha 1cc/2 lít nước. Dùng từ 2–3 ngày.

+ *Đối với gà hậu bị* giống đẻ.

— Gà 1–10 ngày tuổi pha 1cc/4 lít nước. Dùng từ 4–7 ngày.

— Gà 5–6 tuần tuổi pha 1cc/4 lít nước. Dùng từ 3–5 ngày.

— Gà 12–13 tuần tuổi pha 1cc/2 lít nước. Dùng từ 3–5 ngày.

— Gà bắt đầu đẻ pha 1cc/2 lít nước. Dùng 3–5 ngày.

Dùng cho gà hậu bị và gà bắt đầu đẻ với mục đích diệt các vi khuẩn gây bệnh không cho xâm nhập vào buồng trứng tránh nhiễm bệnh cho gà con khi mới nở.

Chú ý : Không dùng chung với Trimethoprim và Sulfal đồng để pha vào nước uống.

IMEQUYL 50%

Premix đậm đặc chứa 50% Flumequine, hóa chất diệt trùng.

Thuốc dạng bột đựng trong gói 100-1kg do Pháp sản xuất

Cũng như Imequyl 10%. Loại 50% cũng có tác dụng điều trị mạnh với vi khuẩn Gram (-) như : E.Coli, Salmonella, Pasteurella, và cả Staphylococcus, là những vi khuẩn gây bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm khớp v.v... ở gia súc, gia cầm.

1) Thành phần :

- Flumequine 50g
- MaCO_3 30g
- Tá dược đường Lactose vừa đủ 100g.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng : Như Imequyl 10%.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo, bê, nghé* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm khớp.

— Liều uống 30–40mg/1kg TT (1g/25–35kg TT). Chia làm 2 lần/1 ngày. Liên tục 3–5 ngày. (Liều nguyên chất là 15–20mg/1kg TT).

b) *Đối với gà* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng và viêm khớp.

Dùng trộn thức ăn theo liều lượng sau :

+ Gà từ 1–10 ngày tuổi.

— Phòng bệnh trộn 1g/1kg TĂ. Liên tục 5–10 ngày.

— Trị bệnh trộn 2g/1kg TĂ. Liên tục 4–5 ngày.

+ Gà 4–5 tuần tuổi.

— Phòng bệnh trộn 3g/1kg TĂ. Liên tục 2–3 ngày.

— Trị bệnh trộn 3g/1kg TĂ. Liên tục 4–5 ngày.

+ Gà trưởng thành 2 tháng trở lên.

— Phòng bệnh trộn 4g/1kg TĂ. 2–3 ngày.

— Trị bệnh trộn 4g/1kg TĂ. 4–5 ngày.

c) *Đối với cá* : Trộn thuốc vào thức ăn liều 25mg/1kg TT cá/1 ngày. Liên tục 5–6 ngày.

BELCOPENI 5

Thuốc chích hỗn hợp giữa Colistin và Penicillin.

Thuốc hũ bột 10 triệu UI, kèm nước pha do Pháp sản xuất

Đây là một kháng sinh tổng hợp giữa 2 loại trong 2 nhóm khác nhau, Colistin thuộc nhóm Polymycines đặc trị vi khuẩn Gram (-) còn Penicillin thuộc nhóm Beta Lactamin đặc trị các vi khuẩn Gram (+). Thuốc Belcopeni 5 có phổ diệt khuẩn rộng, nên rất thuận lợi trong việc sử dụng. Đặc biệt khi người chữa trị chẩn đoán bệnh thấy có sự cảm nhiễm của nhiều loại vi khuẩn. Không cần làm kháng sinh đồ, nhưng kết quả điều trị vẫn tốt trong tất cả các bệnh do vi khuẩn gây nên ở đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và máu.

1) Thành phần :

- Colistin Sodium Sulphomethane 50 triệu UI
- Penicilline G Sodium 50 triệu UI
- Dung dịch vừa đủ 100ml

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Giống như thuốc Bencomycine và Penicilline.

3) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với heo : Điều trị các bệnh tiêu chảy phân

trắng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, cúm, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung.

Chích bắp liều 25.000 UI Colistin + 25.000 UI Penicillin/1kgTT. Chia làm 2 lần/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

Hoặc chích tĩnh mạch chậm liều giảm 1 nửa.

Chú ý : Khi chích pha chai thuốc bột vào chai dung dịch nước pha. 1cc sẽ có 500.000 UI Colistin và 500.000 UI Penicilline.

— Liều chích bắp 1cc/20kgTT/2 lần/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

— Thuốc pha xong chỉ được dùng trong 24 giờ.

b) Đối với bê, nghé, trâu, bò : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, nhiệt thán, sẩy thai truyền nhiễm.

— Chích bắp liều 1cc/20-30kgTT (tương đương 20-25.000UI mỗi loại/1kgTT). Chia làm 2 lần/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

c) Đối với gia cầm : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, cúm, viêm xoang mũi.

— Chích bắp liều 1cc/10kgTT (tương đương liều 50.000 UI mỗi loại /1kgTT). Chia làm 2 lần trong ngày. Chích liên tục 2-3 ngày.

Chú ý : Khi chích pha loãng thuốc với dung dịch sinh lý mặn hoặc ngọt.

d) Đối với chó mèo : Điều trị bệnh tiêu chảy, viêm phổi và phù thũng ở chó.

— Chích bắp liều 1cc/20kgTT. Chia làm 2 lần 1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

BELCOMYCINE S

Dạng thuốc tiêm chai 40ml do Pháp sản xuất

Đây là một loại kháng sinh thuộc nhóm Polymycines có tác dụng đặc trị các bệnh ở đường tiêu hóa do vi khuẩn Gram (-) gây ra như : Salmonella, E.Coli, Klebsiella, Shigella, (bệnh thương hàn, tiêu chảy, phân trắng, viêm ruột). Ngoài ra còn tác dụng với một số vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường hô hấp như Pasteurella, Haemophilus (vi khuẩn gây bệnh tụ huyết trùng và cúm) và vi khuẩn Gram (-) Pseudomonas aeruginosa gây bệnh viêm vú, viêm tử cung hóa mủ.

1) Thành phần :

— Colistin 100.000.000 UI

— Dung dịch vừa đủ 100ml.

1ml có 1.000.000 UI. UI Colistin.

2) Cơ chế tác dụng :

— Cơ chế tác dụng giống như phân Colistin trong thuốc BELCOSPIA INJECTABLE (tập 1).

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột, tụ huyết trùng, cúm, viêm vú và viêm tử cung.

— Chích bắp liều 50.000 UI/kg (1ml/15-20kg TT/1 ngày). Liên tục 3-5 ngày.

b) *Đối với trâu bò* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, viêm ruột, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung.

— Chích bắp liều 1ml/20 kg/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, cúm, sốt vẹt (do Chlamydia).

— Chích bắp liều 1ml/10-15 kg/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

Lưu ý chung :

— Thuốc có thể phối hợp với tất cả các nhóm kháng sinh (Macrolid, Phenicol, Tetracyclin, Aminosit, Sulfamid, Penicilline) ; trong điều trị bệnh gia súc, gia cầm. Khi phối hợp không nên pha chung mà phải chích riêng.

— Không dùng quá 40ml/1 lần điều trị cho một con gia súc.

— Không dùng điều trị cho thỏ.

TYLO P-C

Dạng thuốc tiêm chai 50ml do Nam Triều Tiên sản xuất

Đây là thuốc kháng sinh tổng hợp giữa 2 nhóm Macrolid và Phenicol. Thuốc có tác dụng đặc trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) Gram (-) và Mycoplasma gây nên các bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa và sinh dục như : Viêm phổi do Pneumonia, suyễn do Mycoplasma, cúm do Haemophilus influenza, thương hàn do Salmonella, tiêu chảy phân trắng do E.Coli, viêm ruột do Klebsiella v.v...

1) Thành phần :

— Tylosine	2.500mg
— Chloramphenicol	10.000mg
— Prednisolone	250mg.
Dung dịch vừa đủ	50ml

Trong 1ml có chứa Tylosin 50mg, Chloramphenicol 200mg, Prednisolone 5mg.

2) Cơ chế tác dụng :

Tác dụng của thuốc Tylo P-C dựa vào 3 chất :

— Chất kháng sinh Tylosine thuộc nhóm Macrolid. Cơ chế tác dụng giống như các thuốc Suanovil, Tylan, Erythromycin. Tác dụng chủ yếu điều trị các vi khuẩn gây bệnh ở đường hô hấp, đường sinh dục và khớp như : Mycoplasma, Pasteurella, Staphilococcus Streptococcus, Pneumonia, Haemophilus Influenza.

— Chất kháng sinh Chloramphenicol tác dụng chủ yếu với các vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa như : Salmonella, E.Coli, Klebsiella v.v...

— Chất chống viêm Prednisolone là một chất thuộc nhóm Corticoid có tác dụng giảm viêm (giảm quá trình thâm xuất các dịch viêm ra ngoài tế bào). Tăng cường trao đổi chất, đặc biệt là các chất Protid, Lipid, Glucid.

Làm tăng quá trình tích lũy mỡ, muối Kali và nước. Nên gia súc, gia cầm ăn nhiều, chóng mập. Nhưng do thuốc ức chế việc hấp thu Calci từ thức ăn qua ruột vào cơ thể. Vì vậy nếu dùng thuốc kéo dài sẽ làm cho cơ thể thiếu Calci gây nên triệu chứng bại liệt, giảm đẻ và ngưng đẻ.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với trâu, bò* : Điều trị bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, nhiệt thán, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy phân trắng, viêm ruột.

— Bê nghé tiêm bắp 1ml/10kg/ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Trâu bò lớn tiêm bắp 1ml/20kg/ngày. Liên tục 3-5 ngày.

b) *Đối với heo* : Điều trị bệnh viêm phổi, suyễn, cúm, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy phân trắng, thương hàn, đóng dấu son, phong đòn gánh (Tetanos), tụ huyết trùng.

— Heo dưới 20kg chích bắp 1ml/5kg/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

— Heo trên 20kg chích bắp 1ml/10kg/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày.

c) *Đối với gia cầm* : Điều trị bệnh tiêu chảy phân trắng gà, vịt (E.Coli và thương hàn). Bệnh viêm xoang mũi vịt và CRD gà, bệnh tụ huyết trùng gà, vịt. Bệnh Chlamydiosis (viêm mắt) gà vịt.

— Chích bắp liều 1ml/3-5kg/1 ngày. Liên tục 3-5 ngày (thuốc có thể pha loãng với sinh lý mặn 9‰ và sinh lý ngọt 5%).

d) *Đối với chó* : Điều trị bệnh viêm phổi và tiêu chảy.

— Chích bắp liều 1ml/3-5kg/ngày. Liên tục 3-5 ngày.

Chú ý chung :

— Không nên dùng điều trị cho gia súc chữa và gia cầm đang đẻ vì thuốc có thể làm chết thai, dị dạng, đẻ non hoặc ngưng đẻ (đối với gà vịt). Do trong thành phần của thuốc có hai chất : Chloramphenicol tác dụng đến tế bào tủy xương gây thiếu máu gây suy dinh dưỡng làm chết thai, còn Prednisolone tác động làm ngưng hấp thu Calci gây thiếu Calci huyết nên bại liệt, đẻ non, ngưng đẻ. Nếu có dùng thuốc này điều trị, phải bổ sung Vitamin ADE và Calci (ADE chích còn Calci uống, trộn thức ăn hoặc chích).

— Chỉ được dùng sữa cho người sau 1 ngày điều trị và chỉ được dùng thịt sau 4 ngày điều trị (vì trong sữa

và thịt khi điều trị cho gia súc, thuốc còn tồn đọng trong sữa và thịt gây hại cho người.

— Để thuốc nơi khô ráo tránh ánh sáng.

COLIBAC FT 200

Thuốc bột gói 500g do Singapore sản xuất

Đây là một hóa dược kháng khuẩn. Đặc biệt là các vi khuẩn Gram (-) gây bệnh ở đường tiêu hóa như E.Coli, Salmonella, Klebsiella, Proteus (gây bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn và tiêu chảy ở gia súc, gia cầm).

1) Thành phần :

- Furaltadone Hydrochloride : 200g.
- Tá dược vừa đủ : 1000g.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Furaltadone thuốc kháng khuẩn tổng hợp khi hòa nước uống hay trộn thức ăn, thuốc hấp thu chậm cho nên có tác dụng tiêu diệt ngay vi khuẩn có trong đường tiêu hóa. Mặt khác thuốc được hấp thu qua đường tiêu hóa vào máu và bài tiết qua thận (30-50% thuốc còn hoạt tính trong nước tiểu) nên có tác dụng với cả các vi

khuẩn gây bệnh ở đường tiết niệu như E.Coli Klebsiella, Enterobacter, Proteus.

— Cơ chế tác dụng của thuốc với vi khuẩn do thuốc ức chế Acetyl-Coenzyma-A làm ảnh hưởng đến chu trình biến dưỡng glucid của vi khuẩn. Nó ngăn cản sự tổng hợp vỏ tế bào vi khuẩn. Khi dùng liều thấp thuốc có tác dụng kìm khuẩn. Dùng liều cao thì diệt khuẩn.

— Trong điều trị có thể phối hợp thuốc với các nhóm kháng sinh Phenicol, Tetracycline, Aminosit, Penicilin, Polymixin. Khi phối hợp (không pha chung, không trộn chung) làm tăng tác dụng điều trị bệnh.

— Không được phối hợp với các thuốc trong nhóm QUINOLONES (Imeqyul) vì đối kháng làm mất tác dụng của thuốc.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy.

— Trộn thức ăn liều 10g/1kg thức ăn. Liên tục 5 ngày.

b) *Đối với gà vịt* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng và thương hàn.

— Hòa nước uống liều 1,5g/1 lít nước. Liên tục 5 ngày.

POULSTRESS TF 218

Thuốc bột gói 500g do Singapore sản xuất

Đây là loại thuốc kháng sinh tổng hợp gồm 5 loại trong 5 nhóm khác nhau (Tetracyclin, Nitrofurans, Penicillin, Phenicol và Sulfamid) kết hợp cả với 1 số Vitamin. Thuốc có tác dụng phòng và trị hầu hết các vi khuẩn gây bệnh cho gia súc, gia cầm. Đặc biệt là các vi khuẩn Gram (-) gây bệnh đường tiêu hóa như : E.Coli (bệnh tiêu chảy phân trắng), Salmonella (bệnh thương hàn), Klebsiella, Proteus (gây viêm mủ và tiêu chảy), Pasteurella (bệnh tụ huyết trùng), Haemophilus (bệnh cúm). Điều trị cả vi khuẩn Gram (+), Staphylococcus, Streptococcus (viêm mủ và viêm vú), Erysipelothrix rhusiopathiae (đóng dấu son).

1) Thành phần trong 1kg :

— Tetracycline HCl	110g
— Furaltadone HCl	60g
— Ampicillin Trihydrate	20g
— Chloramphenicol	20g
— Multi - Vitamins	2g
— Trimethoprim	2g

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng, suyễn, cúm, viêm vú, viêm tử cung.

— Cho uống liều 1g/3–5kg/1 ngày. Liên tục 3–5 ngày.

b) *Đối với gà vịt* : Phòng và trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, CRD, tụ huyết trùng, và phòng những trường hợp bội nhiễm bệnh do vi khuẩn, sau khi chủng ngừa Vaccin các loại.

— Cho uống pha 1g/1lít nước/liên tục 3–5 ngày. Nếu phòng bệnh liều 1g/2lít/liên tục 3 ngày/1 tuần). Hoặc trộn thức ăn cho vịt liều 1g/3kg trọng lượng. Trộn thức ăn cho gà 1g/1–2kg thức ăn).

TERRAMYCIN EGG FORMULA

Thuốc bột trộn thức ăn phòng bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa và tăng đề cho gia cầm. Thuốc gói 100g do Mỹ sản xuất.

Đây là một loại thuốc tổng hợp giữa chất kháng sinh Terramycin và các Vitamin (A, D₃, E, B₁₂, K, B₂, B₃, B₆). Thuốc dùng trộn thức ăn hay hòa nước uống dùng cho gà để phòng các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp như E.Coli, Salmonella, Pasteurella,

Mycoplasma v.v... hầu hết các vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) đều bị thuốc tác động. Bên cạnh tác dụng phòng nhiễm trùng trên, trong thuốc còn có các Vitamin kích thích tăng trọng, tạo trứng giúp cho gà đẻ ổn định tỷ lệ đẻ trứng đem lại năng suất cao cho nhà chăn nuôi.

1) Thành phần trong 100g :

— Oxytetracycline HCl	25g
— Vitamin A	1.000.000 UI
— Vitamin D ₃	180.000 UI
— Vitamin E	300 UI
— Vitamin B ₁₂	1.000 mcg
— Vitamin K	360 mg
— Vitamin B ₂	1.300 mg
— Niacinamide (B ₃)	6.000 mg
— Pantothenic Acid (B ₅)	2.100 mg

2) Công dụng và liều dùng cho gà đẻ :

Phòng và trị các bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, CRD, viêm khớp, đẻ ít, đẻ non, bại liệt.

— Pha nước uống 1g/2 lít nước. Hoặc trộn 1g/1kg thức ăn dùng liên tục 4 tuần.

IV.- THUỐC TĂNG TRỌNG : VITAMIN VÀ KHOÁNG TỔNG HỢP

FER DEXTRAN B12

**Loại sắt chích + B12 dùng chống bệnh thiếu sắt
và suy dinh dưỡng ở heo con.**

Chai 100ml do Công ty SOLVAY - Mỹ sản xuất.

Thuốc sắt chích dùng cho heo con là một nhu cầu cần thiết hiện nay trong chăn nuôi heo nông nghiệp. Fer Dextran B12 nhằm cung cấp nguyên liệu sắt cho nhân hồng cầu và cung cấp luôn B12 để tổng hợp Protid hồng cầu.

1) Thành phần :

— Fer-Dextran	10g
— Vitamin B12	8mg
— Phenol	0,45g
— Dung dịch vừa đủ	100ml.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

— Fer-Dextran : Là thành phần tổng hợp giữa Ion sắt gắn vào 1 phân tử đường Dextran (loại đường có kích thước phân tử lớn). Người ta phối hợp theo công thức

trên với mục đích cho Ion sắt hấp thu vào trong máu một cách từ từ theo nhu cầu sinh lý của cơ thể. Bản thân nếu chỉ có Ion sắt thì khi chích thì không thể nào hấp thu vào máu được vì nó là 1 nguyên tố vi lượng có kích thước phân tử lớn. Nhưng khi gắn vào đường Dextran tuy có cấu trúc phân tử lớn nhưng do áp lực thẩm thấu mạnh làm giãn nở màng tế bào và đẩy phân tử đường + Ion sắt chuyển vào trong máu. Ở heo con do lượng Ion sắt chuyển từ mẹ qua sữa không cung cấp đủ theo với nhu cầu sinh lý và tốc độ phát triển của cơ thể. Nhu cầu mỗi ngày mỗi con cần từ 10-15mg sắt. Nhưng cơ thể mẹ chỉ cung cấp qua sữa được từ 2-5mg cho mỗi con. Vì vậy mỗi ngày phải bổ sung thêm trung bình 10mg. Vì vậy heo con sau khi đẻ ra 3 ngày tuổi phải chích sắt. Bê, nghé, dê cừu cũng cần sắt như heo con.

— Vị trí chích sắt phải là ở bắp thịt vì : Ở đó hệ thống mao mạch ít nên khả năng hấp thu từ từ (không cần hấp thu nhanh) đủ nhu cầu sinh lý của mỗi ngày. Nếu chích ở các vị trí khác như dưới da thì do hấp thu quá nhanh nên lúc đầu mới chích thì dư thừa, giai đoạn cuối thì lại thiếu.

3) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Chống bệnh suy dinh dưỡng do thiếu máu và chống bệnh tiêu chảy phân trắng cũng do thiếu máu làm rối loạn tiêu hóa.

+ Liều chính bắp :

— Lúc 3 ngày chính 1cc ở mông hoặc đùi sau. Lúc 12-15 ngày tuổi chính 2cc ở cổ sau gốc tai :

Nếu chính lúc 3 ngày tuổi liều 2cc. Thì sau 3 tuần tức lúc 21 ngày tuổi chính lại liều 1cc.

b) *Đối với bê, nghé* : Chính bắp 5-10cc/1 con.

c) *Đối với dê, cừu* : Chính bắp 2-5cc/1 con.

VITAMIN ADE 500

Dung dịch tiêm chai 100ml do Pháp sản xuất

Thuốc tổng hợp 3 loại Vitamin tác dụng kích thích tăng trọng. Chống còi cọc, xù lông, bại liệt, đẻ non, mù mắt, chết thai, vẩy nến ngoài da, tiêu chảy mãn tính.

1) Thành phần :

— Vitamin A : 50.000.000UI

— Vitamin D3 : 7.500.000UI

- Vitamin E : 5,0g
- Alcool Benzyl 1,9g
- Dung dịch vừa đủ 100ml.

2) Công dụng :

+ Vitamin A : Sau khi chích bắp, thuốc theo máu chuyển về dự trữ ở gan và một phần ở mô mỡ và da. Sau đó được phóng thích dần vào máu theo nhu cầu sinh lý của cơ thể với các tác dụng.

— Tăng sự tổng hợp Mucopolysacharide cho việc bài tiết chất nhầy ở các tế bào biểu mô trên niêm mạc đường tiêu hóa, hô hấp và sinh dục. Để chống hiện tượng nhiễm trùng gây tổn thương niêm mạc.

— Tăng tổng hợp Mucoprotein chống sừng hóa các tế bào niêm mạc đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, mắt, da. Để chống nhiễm trùng xâm nhập qua đường niêm mạc và da. Đồng thời tăng khả năng đậu thai.

— Chống hiện tượng mù mắt do thiếu Vitamin A làm khô mắt, teo kết mạc nhãn cầu và đục giác mạc.

— Chống hiện tượng teo dịch hoàn, teo buồng trứng, ống dẫn trứng và tử cung do thiếu Vitamin A gây sừng hóa các biểu mô ở đường sinh dục.

+ Vitamin D₃ : Khi chích bắp thuốc được hấp thu

rất tốt qua máu tích tụ vào gan, thận, ruột, xương, tuyến thượng thận và được phóng thích dần dần vào cơ thể theo nhu cầu sinh lý. Trong máu được gắn vào Globulin và Albumin. 50% bài tiết qua thận nhưng lại được tái hấp thu 1 phần. Tác dụng chính của Vitamin D3 là :

— Tăng cường xúc tiến việc hấp thu Calci, Magnes, Phosphor từ thức ăn qua ruột vào cơ thể (Vitamin D) kích thích tế bào ruột tổng hợp một Enzyme để vận chuyển chủ động Ca^{++} qua thành ruột.

— Giúp cho nguyên liệu Ca^{++} tác động lên Phosphatase để tạo nên xương mới → chống còi xương và chuyển nguyên liệu Ca^{++} để tạo nên vỏ trứng cho gà đẻ, để chống đẻ non.

+ Vitamin E : Khi chích bắp thuốc được hấp thu vào máu và gắn kết với β_1 . Lipoprotein phân phối hầu hết ở các mô. Thuốc được bài tiết qua gan và nước tiểu dưới dạng Acid Tocopheronic, Lactone hoặc Glucoronids. Ở trong cơ thể Vitamin E có tác dụng :

— Chống hiện tượng nhũn não, trắng cơ, teo ống dẫn tinh và chết thai (đối với cái). Vì Vitamin E làm lưu thông các mạch quản cung cấp máu tới não, cơ bắp, bào thai và ống dẫn tinh làm cho các bộ phận trong cơ thể hoạt động bình thường.

3) *Liều dùng :*

a) *Đối với heo :* Kích thích tăng trọng, chống suy dinh dưỡng, còi xương, bại liệt, chết thai, tiêu chảy mãn tính.

— Chích bắp heo con từ 20 ngày trở lên tới 1 tháng chích liều 1ml/50kg (0,2–0,25ml/1 con). Sau 1 tháng chích lại lần 2 liều 0,5ml/1 con. Liều trình mỗi tháng chích 1 lần liều 1ml/50kg.

— Heo lớn, heo đực giống và nái chích 1ml/100kg. Sau mỗi tháng chích lại liều như trên.

b) *Đối với gà vịt :* Kích thích tăng trọng, chống nhून não, mù mắt, bại liệt, đẻ non.

— Gà vịt đẻ chích bắp 1ml/5–10 con. Sau mỗi tháng chích lại 1 lần.

— Gà vịt con nên dùng loại ADE tan trong nước của Mỹ pha cho uống hoặc dùng ADE bột pha nước uống hay trộn thức ăn.

Lưu ý chung :

— Khi sử dụng quá liều Vitamin ADE có biểu hiện triệu chứng :

— Gia súc, gia cầm mệt mỏi, thờ dãn, bỏ ăn, giảm lớn (vì thừa Vitamin A làm gan phù nổi gai, nên tiêu hóa kém. Áp lực máu ở não tăng nên mệt mỏi và ói. Xương sụn hóa xương sớm, nên ức chế tăng trưởng).

— Bại liệt do mềm xương hoặc đi tiểu ra máu do sỏi thận (vì Vitamin D tăng làm tăng lượng Ca^{++} huyết (Ca^{++} từ thức ăn được hấp thu vào hoặc từ xương điều ra) làm cho tiêu xương, mềm xương → bại liệt. Lượng Ca^{++} tăng trong máu tích tụ ở động mạch, ống thận và thận làm xơ cứng động mạch và sỏi thận.

HÉMATOPAN B12

Dạng thuốc tiêm loại ống 10ml, chai 50ml – 100ml – 250ml
do Pháp sản xuất

Đây là thuốc chích tăng trọng gồm tổng hợp các chất Acid amin, Vitamin và khoáng vi lượng. Tác dụng chủ yếu chống suy dinh dưỡng, còi cọc, xù lông, chậm lớn, tiêu chảy mãn tính, đẻ ít (gà).

1) Thành phần :

— Sodium cacodylate	3,000g.
— Ammonium ferric citrate	2,000g.
— Methionine	1,000g

— Histidine hydrochloride	0,500g.
— Tryptophan	0,250g
— Cobaltous acetate	0,050g.
— Cyanocobalamin (Vitamin B12)	0,001g.
— Acid citric	0,75g.
Dung dịch vừa đủ	100ml.

2) Công dụng :

Thuốc Hematopan B12 là thuốc tổng hợp 3 loại acid amin, 3 chất khoáng và 1 loại Vitamin B12.

— Methionine là 1 acid amin có tác dụng bổ gan, giải độc và là nguyên liệu cho tổng hợp hồng cầu chống bệnh thiếu máu và suy dinh dưỡng.

— Histidine là 1 acid amin có tác dụng chống thiếu máu vì nó là nguyên liệu cho tổng hợp hồng cầu. Làm tăng sinh những tế bào bị tổn thương do viêm nhiễm trong các bệnh truyền nhiễm như thương hàn, E.Coli, C.R.D, tụ huyết trùng v.v... Niêm mạc đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục và da được hồi phục nhanh chóng sau khi bị viêm nhiễm lở loét. Cho nên nó còn có tác dụng chống loét dạ dày và tá tràng.

— Tryptophan : Công dụng giống như Histidine cũng

là nguyên liệu cho tổng hợp hồng cầu, làm tăng sinh các tế bào niêm mạc bị tổn thương.

— Cobal : Tham gia cấu tạo nhân hồng cầu góp phần tạo máu, kích thích tăng trọng.

— Cyanocobalamin tham gia tổng hợp proteine, kích thích tăng trọng cho gia súc gia cầm.

3) Liều dùng :

a) *Đối với heo* : Kích thích tăng trọng, trợ sức sau khi bị bệnh truyền nhiễm, ngoại khoa (thiếu, hoạn, mổ đẻ khó), sản khoa (đẻ khó, viêm tử cung, mất sữa). Chống các bệnh suy dinh dưỡng, xù lông, rụng lông, tiêu chảy mãn tính.

— Chích bắp liều 1ml/5 -10kg/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

b) *Đối với trâu bò, bê nghé, ngựa, dê, cừu* : Kích thích tăng trọng, chống suy nhược cơ thể và tiêu chảy mãn tính.

— Chích bắp liều 1ml/10-20kg TT/1 ngày. Liên tục 4-5 ngày.

c) *Đối với chó, mèo* : Kích thích tăng trọng, chống còi cọc, suy dinh dưỡng.

— Chích bắp liều 1ml/5kg TT/1 ngày. Liên tục 2-3 ngày.

d) *Đối với gia cầm* : Kích thích tăng trọng, chống mổ lông, rụng lông, làm tăng tỷ lệ đẻ trứng.

— Chích bắp liều 1ml/3–5kg TT/1 ngày. Liên tục 2–3 ngày/1 tuần. Có thể pha nước uống thường xuyên liều 5ml/1 lít nước.

POLYMICRINE

Dạng thuốc tiêm chai 100ml do Pháp sản xuất

Thuốc tổng hợp Vitamin A, D3, E, PP, B1 và B6. Có tác dụng kích thích tăng trọng. Chống còi cọc, suy nhược cơ thể, bại liệt, đẻ non, chết thai, tiêu chảy mãn tính, mù mắt, vẩy ngoài da.

1) Thành phần :

— Vitamin A :	6.000.000 UI
— Vitamin D3 (15mg)	600.000 UI
— Vitamin E (Alphatocopherol acetate)	660mg.
— Vitamin PP (Nicotinamide)	1.800mg
— Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	300mg
— Vitamin B1 (Thiamine hydrochloride)	600mg
Dung dịch vừa đủ	100ml.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Kích thích ăn nhiều, mau lớn, chống còi xương, bại liệt, xù lông, khô da, chết thai, đẻ non, mù mắt.

— Chích bắp heo con liều 1ml/10kg TT. (Heo con sau 20 ngày tuổi trở đi mới dùng vì trong sữa mẹ đã có đủ các Vitamin trên. Trừ khi sữa mẹ thiếu thì mới dùng sớm hơn từ 10–15 ngày). Liều trình 1 tháng chích 1 lần.

— Heo lớn chích bắp liều 1ml/15kg. Sau mỗi tháng chích lại liều như trên.

Đối với những con quá còi cọc hoặc sau khi bị bệnh mới khỏi ta có thể chích 1 liệu trình 2–3 ngày liên tiếp liều như trên. Sau một tháng chích lại.

b) *Đối với gà vịt* : Kích thích tăng trọng, đẻ nhiều, chống bại liệt, đẻ non.

— Chích bắp 0,5ml/1 con gà vịt đẻ. Sau 1 tháng chích lại liều trên. (Gà vịt con có thể hòa nước cho uống liều 1ml/1 lít nước mỗi ngày. Hoặc pha chích liều 1ml/5kg. (Pha nước cất hoặc sinh lý ngọt 5%).

c) *Trâu bò* : Kích thích tăng trọng, chống còi cọc, xù lông, đẻ non, chết thai, bại liệt.

— Chích bắp liều 1ml/20kg. Sau 1 tháng chích lại liều trên.

d) Chó : Tác dụng như trên :

— Chích bắp liều 1ml/5kg. Liên tục 2-3 ngày sau 1 tháng chích lại liều trên.

e) Ngựa : Tác dụng như trên.

— Chích bắp liều 2,5ml/100kg. Sau mỗi tháng chích lại 1 lần.

VITAPEROS

Thuốc bột gói 5g do Pháp sản xuất

Đây là Premix Vitamin tổng hợp tới 12 loại Vitamin và acid amin. Tác dụng chính là kích thích tăng trọng và đẻ nhiều. Đồng thời chống các bệnh do thiếu Vitamin ở gia súc, gia cầm gây suy dinh dưỡng, còi cọc, bại liệt sần da, mù mắt, ngoẹo đầu, tiêu chảy mãn tính, chết thai, đẻ non.

1) Thành phần : Trong 1g

— Vitamin A	100.000 UI
— Vitamin D3	25.000 UI
— Vitamin E	20mg

— Vitamin B1 (Thiamin)	12mg
— Vitamin B2 (Riboflavin)	32mg
— Vitamin B6 (Pyridoxine)	12mg
— Vitamin C	300mg
— Vitamin K3	16mg
— Vitamin PP (Niacin - B3)	20mg
— Pantothenate Ca (B5)	20mg
— Biotin (Vitamin H)	0,1mg
— Acid felic	1mg
— Lactose tá được vừa đủ	1g.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gà vịt* : Kích thích tăng trọng cho gà con và gà thịt. Kích thích đẻ nhiều, trứng to cho gà đẻ. Chống các bệnh do thiếu Vitamin B1, B3, B6 gây bại giò ở gà con. Thiếu B5 gây nổi sần ở kẽ chân, ở da mép mỏ, ở da mí mắt, ở vùng da khác bị nổi sần, sưng hóa gây mọc lông chậm, thiếu A gây mù mắt và đẻ giảm. Thiếu D3 gây đẻ non và còi cọc, thiếu E gây nhũn não (ngọeo đầu và giảm đẻ, chết thai).

— Liều dùng phòng bệnh pha 1g/10 lít nước uống (1 gói 5g/50 lít nước) liên tục 5-7 ngày/1 tuần. Khi bệnh

tăng liều gấp đôi pha 1g/3-5 lít nước uống liệu trình 3-5 ngày/1 tuần. Nếu trộn thức ăn liều 0,01-0,02% (vì hàm lượng thuốc quá đậm đặc nên khi nuôi gia đình ít khi trộn thức ăn, sợ thuốc trộn không đều. Nên chủ yếu hòa nước uống).

b) Đối với heo, bê, nghé, ngựa, dê, cừu :

Kích thích gia súc non ăn nhiều mau lớn, gia súc giống phát dục tốt, đậu thai nhiều (heo nái) không bị khó thai chết thai do bị thiếu Vitamin A, E. Cũng giống như gà vịt có tác dụng chống các bệnh do thiếu Vitamin nhóm B (B1, B2, B3, B5, B6) gây bại liệt, sần da, tiêu chảy mãn tính.

— Cho uống hoặc trộn thức ăn liều phòng : 1g/50-100kg trọng lượng. Liên tục 5-7 ngày.

— Liều điều trị 1g/25-50kg trọng lượng. Dùng 3-5 ngày.

VITAMINO-200

**Thuốc Premix khoáng và Vitamin tổng hợp gói 1kg
do Pháp sản xuất**

Loại Premix tổng hợp gồm 11 loại Vitamin và 7 loại khoáng vi lượng rất cần thiết cho gia súc, gia cầm trong chăn nuôi lấy thịt cũng như lấy trứng. Tác dụng giống

như trong thuốc Polyvit, Vitaperos, Vitamin và Plastin. Premix tổng hợp này thuận tiện cho việc sử dụng trong chăn nuôi.

1) Thành phần : trong 1kg.

— Vitamin A	2.949.000 UI
— Vitamin D3	198.000 UI
— Vitamin E	2.950 UI
— Vitamin K3	440mg
— Vitamin B12	6.600mg
— Biotin (Vitamin H)	4,4mg
— Niacin (PP hay B3)	4.650mg
— Riboflavin (B2)	1.100g
— D-Cancium pantothenate	2.000mg
— Pyridoxin HCl	330mg
— Thiamin (B1)	330mg
— Choline Chloride	88.100mg
— Fe	10g
— Iốt	0,01g
— Mn	10g
— Zn	0,4g

— Ca

30g

— P

22,5g

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gà* : Phòng và chống các bệnh do thiếu các Vitamin và khoáng như : mù mắt, bại giò, đẻ non, ngoẹo đầu, chết thai v.v... (xem phần bệnh dinh dưỡng của gia cầm trong quyển 109 bệnh gia cầm tập II). Ngoài ra còn kích thích tăng trọng cho gà thịt :

— Liều trộn thức ăn thường xuyên 0,5%.

(500g/100kg TĂ. Hay 5g/1kg TĂ).

b) *Đối với heo* : Tác dụng kích thích tăng trọng và cũng chống một số bệnh suy dinh dưỡng, thiếu Vitamin và khoáng như : Tiêu chảy mãn tính, còi cọc, xù lông, nổi sần da, bại liệt, chết thai.

— Trộn thức ăn tỷ lệ 0,25% 250g/100kg).

VITAMINS VÀ ELECTROLYTES

Thuốc bột gói 227g do hãng Solvay của Mỹ sản xuất

Đây là một Premix Vitamin tổng hợp dùng cho gia cầm. Thuốc có tác dụng kích thích tăng trọng cho gia súc và gia cầm non. Kích thích đẻ nhiều và tăng tỷ lệ

đậu thai cho gia cầm và cả gia súc. Đồng thời chống các bệnh do thiếu Vitamin gây ra, gây còi cọc, xù lông, bại liệt, nổi sần da, tiêu chảy, chết thai.

1) Thành phần : Trong 1kg.

— Vitamin A	11.023.000 UI
— Vitamin D3	1.653.450 UI
— Vitamin E	5.512 UI
— Vitamin B2	1.102mg
— Acid pantothenic (B5)	8.812mg
— Calcium pantothenote (B5)	9.665mg
— Acid folic	276mg
— Menabione sodium bisulfite complex	4.409mg
— Vitamin B1	551mg.

— Tá được đường Dextrose và muối NaCl, KCl vừa đủ 1kg.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gà vịt :* Thuốc có tác dụng kích thích tăng trưởng cho gà con và đẻ nhiều cho gà giống. Nhờ vào 3 loại Vitamin A, D3, E. Đặc biệt là Acid Folic một acid amin rất cần cho sự sinh trưởng của gà con vì nó có tác

dụng tham gia vào việc tổng hợp hồng cầu và bạch cầu cho cơ thể.

Những Vitamin còn lại (B1, B2, B5) có tác dụng chống bại liệt (do B1,) chống rụng lông và nổi sần da (do B5).

— Liều dùng hòa nước uống 1g/2 lít, dùng 3-5 ngày. Hoặc trộn thức ăn tỷ lệ 0,1% tương đương 1g/1kg thức ăn. Dùng liên tục 3-5 ngày/1 tuần.

b) Đối với heo : Vẫn dùng với tác dụng kích thích tăng trọng và chống thiếu Vitamin. Liều trộn thức ăn 0,05 - 0,1%.

SHELL - AID

Loại Premix tổng hợp 1 số Vitamin và khoáng quan trọng dùng cho gà đẻ. Loại 1kg do Pháp sản xuất

1) Thành phần : Trong 1kg.

— Vitamin A	1.200.000UI.
— Vitamin D3	400.000UI.
— Vitamin K	1.000mg.
— Vitamin C	25.000mg.
— Vitamin B2	2.000mg.

— Zn	5.000mg.
— Mn	8.000mg.
— Ca	13,6g.
— Na	63g.

2) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với gà đẻ : Phòng và chống bệnh đẻ non, đẻ ít và chết thai.

— Trộn thức ăn tỷ lệ 0,1% (100g/100kg TĂ). Cho ăn liên tục mỗi ngày.

V.- THUỐC KÍCH THÍCH ĐẸ

OXYTOCINE

Thuốc chích kích thích đẻ. Ống 5cc do Pháp sản xuất

Oxytocine là một kích thích tố thuần khiết, bản chất là protein đã được kiểm tra qua sắc ký. Thuốc an toàn, không gây bất kỳ một phản ứng nào đối với cơ thể. Thuốc tác động kích thích cơ trơn ở ruột, tiết niệu, sinh dục và vú. Sau khi chích từ 10-20 phút là có tác dụng. Thuốc tác dụng kích thích đẻ đối với những gia súc cái đẻ yếu hoặc tử cung không mở. Không dùng cho những gia súc cái xoang chậu hẹp. Vì trong trường hợp đó tử cung co bóp mạnh và thai không ra được sẽ bể tử cung hoặc thai bị chết.

1) Thành phần :

— Ống 5cc mỗi 1cc chứa 10UI Oxytocine.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gia súc cái, bò, trâu, ngựa, heo, chó, mèo :*

Tác dụng kích thích đẻ, kích thích ra nhau sớm, kích thích tiết sữa, tăng cường co bóp đẩy những chất dơ bẩn hoặc ổ viêm hóa mủ trong tử cung ra ngoài.

+ Liều dùng :

— Heo : Chích bắp 2cc/1 con. Hoặc chích tĩnh mạch 1cc/1 con từ 80–150kg.

— Trâu bò : Chích bắp 4–6cc/1 con. Hoặc chích tĩnh mạch 2–4cc/1 con từ 200–300kg.

— Ngựa : Chích bắp 2–4cc/1con. Hoặc chích tĩnh mạch 1–2cc/1con từ 150–200kg.

— Chó chích bắp 0,2–1cc/con.

— Mèo chích bắp 0,2–0,5cc/con.

Chú ý : – Không dùng cho gia súc cái mang thai. Vì thuốc sẽ làm sảy thai.

— Phương pháp chích dưới da, bắp thịt, tĩnh mạch hay biểu bì là tùy thuộc vào yêu cầu can thiệp nhanh chóng hay kéo dài. Ở ngựa và bò nên chích trong da để hiệu lực thuốc tăng dần từ thấp tới cao phụ giúp cho con cái dễ bình thường không hại sức.

— Liều lượng có thể tăng giảm hoặc lặp lại sau 30–60 phút tùy theo tình trạng sức khỏe và khả năng co bóp tử cung của từng gia súc cái. Chỉ nên chích tối đa từ 2–3 lần liều quy định trên. Vì nếu chích quá liều tử cung có thể bị đẩy ra ngoài gây lộn tử cung.

— Sau khi chích thuốc dục gia súc sẽ mệt phải chích bổ sung các thuốc bổ Vitamin nhóm B và C. Đặc biệt là B1.

VI.- THUỐC TRỊ GIUN(LÃI)

PARASITOL

Thuốc Levamysol chích số lãi cho gia súc.

Chai 100ml do Pháp sản xuất

Tác dụng của Parasitol cũng giống như Tetramisol và Nilverm (trong cuốn tập I). Tác dụng tới tất cả các loại *lãi* (giun) ký sinh ở đường tiêu hóa và hô hấp ở gia súc.

1) Thành phần :

- Levamysol hydrochlorid 13,6g.
- Dung dịch vừa đủ 100ml.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với heo* : Điều trị lãi phổi, lãi ruột và dạ dày :

— Chích bắp hoặc dưới da 1cc/15kg TT. Sau 2-3 tháng chích lặp lại.

b) *Đối với trâu, bò, cừu* : Điều trị lãi phổi, lãi dạ dày và ruột.

— Chích bắp hoặc dưới da liều 1cc/20kg TT. Sau 2-3 tháng chích lặp lại.

Chú ý : - Nếu gia súc trên 300kg, cũng chỉ chích có 12ml/1 con.

— Thịt gia súc chỉ được giết mổ sau 7 ngày dùng thuốc.

— Sữa gia súc chỉ được sử dụng sau 48 giờ kể từ lúc chích thuốc.

VII.- THUỐC TRỊ CẦU TRÙNG

COCCIBIO

Thuốc uống trị cầu trùng, gà, thỏ. Chai 1 lít do Pháp sản xuất

Thuốc trị cầu trùng mới, được tổng hợp từ 2 chất Sulfaquinoxaline và Pyrimethamine. Tác dụng hiệp đồng diệt cầu trùng. Đồng thời giảm được liều lượng sử dụng, ít độc. Những cầu trùng chính bị tiêu diệt như : *Eimeria tenella* (cầu trùng ruột già), *E. necatrix* cầu trùng ruột non), *E. aceroulina* (cầu trùng ruột non) *E. maxima* (cầu trùng đoạn cuối ruột non).

1) Thành phần :

- Sulfaquinoxaline 4,5g
- Pyrimethamine 1,35g
- Dung dịch vừa đủ 100cc.

2) Tính chất và cơ chế tác dụng :

Tác dụng diệt cầu trùng của Coccibio nhờ vào tác dụng của 2 chất :

— Sulfaquinoxaline : Mang tính chất của Sulfamid có tác dụng kìm khuẩn, nhất là những vi khuẩn gây viêm ruột kể phát khi đã bị cầu trùng làm tổn thương ruột.

Đồng thời chất Sulfaquinoxaline cũng có tác dụng cả với cầu trùng.

— Pyrimethamine là một hóa dược tìm ra từ năm 1949. Tác dụng rất mạnh với các cầu trùng và ký sinh trùng đường máu (trong bệnh sốt rét của người). Thuốc tác động vào hệ thống men chuyển hóa acid folique không cho tạo thành acid folinique. Ngăn trở việc tạo thành nhân vi khuẩn và cầu trùng (acid nucleique).

Trong khi chất Sulfaquinoxaline cũng ức chế vi khuẩn và cầu trùng không tổng hợp được acid folique, sự phối hợp 2 chất trên cùng tác động hiệp đồng phóng toả các khâu kế tiếp nhau trong quá trình hình thành cầu trùng.

— Khi uống hấp thu chậm. Thuốc vào máu đặc biệt tập trung ở hồng cầu và bạch cầu sau đó bài tiết qua thận.

— Nếu dùng quá liều do sự ức chế hình thành acid folic nên cơ thể thiếu acid folic gây nên thiếu máu và suy tủy. Vì vậy không dùng cho gà đẻ vì giảm đẻ.

3) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với gà : Chủ yếu phòng và trị cầu trùng cho gà con, gà thịt và gà hậu bị.

— Pha nước uống 1cc/1 lít nước. Dùng liên tục 5-7 ngày trong giai đoạn bệnh. Hoặc dùng theo liệu trình, gián đoạn 2 ngày dùng thuốc - 3 ngày nghỉ - 2 ngày dùng thuốc tiếp, liều lượng như trên.

b) Đối với thỏ : Phòng và trị cầu trùng.

— Pha 1cc/1 lít nước. Dùng 5-7 ngày.

Chú ý : Không nên dùng cho thỏ mang thai (vì thuốc dùng gây thiếu máu - thai có thể bị suy nhược và chết).

COYDEN 25

Thuốc dạng Premix có chứa Clopidol thuốc điều trị cầu trùng.

Bao 25kg do Pháp sản xuất

Thuốc trị cầu trùng cho gà và thỏ được chế dưới dạng Premix để trộn vào thuốc ăn. Chất Clopidol trong Premix có tác dụng với tất cả các loài cầu trùng *Eimeria* gây bệnh ở đường tiêu hóa ở gia cầm và thỏ.

Chất Clopydol là một hóa được có công thức 3,5 dichloro - 2,6 Dimethyl - 4 Paridinol).

1) Thành phần :

— Clopidol 0,25kg.

— Tá được vừa đủ 1kg.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gà* : Điều trị bệnh cầu trùng cho cả gà thịt và gà đẻ (không ảnh hưởng đến tỷ lệ trứng).

— Trộn thức ăn tỷ lệ 0,05% (5g/10kg TĂ). Cho ăn liên tục từ 1 ngày tuổi đến trước khi hạ thịt 5 ngày thì ngưng (đối với gà thịt). Gà đẻ thì phải giữ nguyên. Khi bệnh tăng liều gấp đôi.

b) *Đối với heo* : Phòng và trị cầu trùng.

— Trộn thức ăn tỷ lệ 0,08% (8g/10kg TĂ).

DECCOX

Thuốc dạng Premix có chứa 6% Decoquinate thuốc trị cầu trùng gia súc, gia cầm. Bao 10kg do Pháp sản xuất

Premix Deccox 6%, được dùng trộn vào thức ăn cho gia súc, gia cầm để phòng bệnh cầu trùng. Thuốc rất bền vững không gây những tác hại cho cơ thể gia súc, gia cầm. Mặc dù trong thức ăn có những thuốc khác pha trộn như kháng sinh, Premix khoáng và Vitamin v.v... Ở một số nơi thuốc được trộn vào thức ăn để dập viên, qua xử lý nhiệt 70 độ C trong 10 phút. Nhưng tác dụng của thuốc vẫn không thay đổi.

1) Thành phần :

- Decoquinate 60g
- Tá được vừa đủ 1kg.

2) Công dụng và liều dùng :

a) *Đối với gà* : Phòng và trị cầu trùng. Đồng thời có tác dụng tăng trọng cho gà thịt.

— Trộn thức ăn liều 1g/2kg TĂ (0,05% loại Premix 6%). Nếu dùng nguyên chất Decoquinate liều 3-4g/100kg TĂ). Cho ăn liên tục 3-4 tuần trước khi thịt.

b) *Đối với bê, bò, dê, cừu* : Phòng bệnh cầu trùng gây tiêu chảy ở gia súc non.

— Liều cho ăn hoặc uống 85mg/1kg TT (tương đương 5mg dạng nguyên chất/1kg TT)/1 ngày. Liên tục 28 ngày trong giai đoạn bê và dê tiêu chảy.

— Ở cừu liều thấp bằng 1/5 (1mg/1kg TT).

LERBEK

Thuốc Premix có chứa Clopidol và Methybenzoquate chất trị cầu trùng trên gà và thỏ. Bao đựng 25kg do Pháp sản xuất

Hai chất Clopidol và Methybenzoquate. Có hoạt tính sinh học là ngăn ngừa sự hình thành bào tử cầu trùng

ở giai đoạn thứ nhất. Như vậy nó đã cản trở sự phát triển sự hình thành cầu trùng ở giai đoạn sau. Cho nên gà được phát triển bình thường không bị nhiễm các loại cầu trùng, thuốc trị được tất cả các loại Eimeria ở gà và thỏ.

1) Thành phần :

- Clopidol 200g
- Methylbenzoquate 16,7g
- Tá dược bột ngũ cốc và dầu bao bọc vừa đủ 1kg.

2) Công dụng và liều dùng :

a) Đối với gà :

- Gà thịt : Thuốc trộn thức ăn 5g/10kg TĂ. Dùng liên tục từ 1 ngày tuổi đến 5 ngày trước khi giết mổ.
- Gà hậu bị : Trộn thuốc vào thức ăn theo tỷ lệ trên từ 1 ngày đến 16 tuần tuổi.
- Gà tây : Dùng liều trên tới 12 tuần tuổi.

- b) Đối với thỏ : Trộn tỷ lệ 1g/1kg TĂ. Dùng liên tục từ 1 ngày tuổi đến trước 5 ngày trước khi giết thịt.

VIII.- VACCINE CHO GIA CẦM

CRYOMAREX

**Vaccine nhược độc đông khô phòng bệnh Marek
mỗi ampoule 1000 liều + dung môi. Pháp sản xuất**

Vaccine được chế từ tế bào phôi trứng đã được cảm nhiễm virus Herpes gà tây, vaccine được bảo quản trong dung dịch nitơ lỏng. Việc sử dụng cần phải theo một quy tắc nghiêm ngặt mới có tác dụng miễn dịch.

1) Thành phần mỗi liều vaccine có :

— 1000 PFU (đơn vị tính theo hình thức mảnh) virus chủng FC 126 virus Herpes gà tây của bệnh Marek, cùng với mô tế bào.

2) Liều lượng và cách dùng :

+ Chích cho gà con lúc 1 ngày tuổi. Chích dưới da liều 0,2 cc/con.

Cách pha :

— Mang găng tay và khẩu trang lấy Ampoule thuốc ra khỏi bình nitơ lỏng. Nhanh chóng làm tan thuốc trong Ampoule bằng cách lắc nhẹ đều trong nước 25-30°C. Mở Ampoule khi phần đông băng cuối cùng trong Ampoule đã tan hết. Lấy ống tiêm đã ô trùng hút phần

chứa trong Ampoule ra ống tiêm loại 5cc và chuyển huyền dịch này sang chai dung môi, hút và xúc lại ống tiêm 1-2 lần. Lắc nhẹ chai thuốc đã pha, sử dụng ngay trong vòng 1 giờ.

Chú ý : - Vaccine này có thể dùng phối hợp với các loại Vaccine phòng bệnh Marek (Cryomarex SBI Cryomarex - Rispens). (Pha ngay tức thời dùng liền như trên) :

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ (-196°C trong nitơ lỏng).

PESTOT

Vaccine dịch tả gà nhược độc đông khô chai 1000- 2000 liều
do Pháp sản xuất

Đây là Vaccine phòng bệnh Newcastle từ 1 ngày tuổi (giống loại Vaccine New Castle chủng hệ 2 ở Việt Nam). Thường dùng phối hợp với loại Bioral H 120 (Vaccine nhược độc đông khô phòng bệnh viêm thanh khí quản). Virus được nuôi cấy trên môi trường phôi trứng, có chất bổ trợ (SPF) để tăng khả năng an toàn khi sử dụng Vaccine.

1) Thành phần :

— Mỗi 1 liều có : 10^6 EID₅₀, chủng Hitchnar B₁ đông khô :

2) Liều lượng và cách sử dụng :

+ Chung lần 1 vào ngày tuổi thứ nhất : Nhỏ mắt (pha 1000 liều vào 50ml nước cất hoặc sinh lý 9‰ (nước không có Clor) nhỏ mỗi con 1 giọt.

+ Chung lần 2 vào ngày tuổi thứ 14-21 : Nhỏ lại lần 2 liều như trên. Có thể dùng loại Sotasec cũng được (Sotases là Vaccine nhược độc dòng Lasota).

+ Chung lần 3 sau lần 2 là 21 ngày (nếu dùng Pestot). Và sau 2-3 tháng (nếu dùng Sotases).

Chú ý : - Trong vùng có dịch bệnh xảy ra, nên dùng Pestos nhỏ mắt ngay, sau khi mới nở, sau đó dùng Imofest chích dưới da liều 0,1cc/con (Imofest là Vaccine chết nhũ dầu).

— Gà hậu bị và gà giống : Sau khi dùng Vaccine Pestot hay Sotasec, nên dùng phối hợp với Vaccine chất nhũ dầu trước khi bắt đầu đẻ. (Imopest, Binewvaxidrop, Newvaxidrop, Bigopest, Gumbopest).

— Có thể dùng Pestos hòa nước cho uống hoặc phun sương.

— Khi đàn gà đang nhiễm CRD không được dùng chủng ngừa theo phương pháp phun sương (vì niêm mạc đường hô hấp bị tổn thương nên Vaccine có thể xâm nhập ngay vào máu vì vậy không tạo được miễn dịch tế bào hay Interferon).

3) Bảo quản :

Để ở nhiệt độ 2–8°C, tránh ánh sáng.

SOTASEC

Vaccine dịch tả gà nhược độc đông khô chai 1000–2000 liều
chủng Lasota do Pháp sản xuất

Đây cũng là Vaccine phòng bệnh Newcastle.

Virus chủng Lasota được nuôi cấy trên phôi trứng và được đông khô. Do độc lực mạnh hơn Vaccin Pestos nên dùng chủng cho gà lứa tuổi cao hơn (kể từ 14–21 ngày tuổi trở lên). Dùng cho gà giò, gà hậu bị và gà đẻ đều tạo miễn dịch tốt.

1) Thành phần :

— Mỗi 1 liều có 10^6 EID 50 chủng Lasota.

2) Liều lượng và cách sử dụng :

— Chủng lần 1 : Lúc 21 ngày tuổi : Pha nước uống,

Hũ 1000 liều pha 10 lít nước cho uống (Chú ý : Trước khi pha nước cho uống phải vệ sinh máng uống và cho gà nhin uống trước 2-3 giờ, để khi pha Vaccin uống được hết liều).

— Chung lần 2 : Sau lần 1 từ 21 ngày (42 ngày tuổi) : Pha uống như trên:

— Chung lần 3 : Sau lần thứ 2. Từ 2-3 tháng : Pha uống như trên.

Chú ý : - Không dùng phun sương cho đàn gà đang bị nhiễm Mycoplasma (CRD).

— Không nên dùng cho gà đang đẻ. Đối với gà đẻ nên chích trước khi đẻ các loại Vaccine nhũ dầu như : (Imopest, Binewvaxidrop, Binewvax, Newvaxidrop, Bigopest, Gumbopest) các Vaccine này sẽ trình bày tiếp sau.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8° C, tránh ánh sáng.

IMOPEST

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh dịch tả gà (Newcastle)
chai 500-1000 liều do Pháp sản xuất

Đây là Vaccine chết nhũ dầu dùng an toàn cả gà con và gà lớn.

1) Thành phần trong mỗi liều Vaccine :

— 10^8 EID 50 chủng Texax Virus Newcastle.

— Tá được chất bổ trợ dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chủng lần 1 : Lúc 1 ngày tuổi liều 0,1cc/con. Chích dưới da hoặc bắp. (Chủng đồng thời với Vaccine Pestos nhỏ mắt).

— Chủng lần 2 : Sau lần chủng thứ nhất 8-10 tuần (vào lúc 2-2,5 tháng tuổi) liều chích dưới da hay bắp 0,5cc/1 con.

— Chủng lần 3 : Sau lần chủng thứ 2 từ 8-10 tuần (vào lúc 4-4,6 tháng tuổi. Tức là trước khi đẻ 2-4 tuần). Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/1 con.

Chú ý : - Lắc kỹ thuốc trước khi dùng.

— Không dùng ống chích có zoong và Pittông bằng cao su để chích thuốc vì sẽ phản ứng.

— Có thể chích cùng một lúc với các loại Vaccine như dầu sau :

Newvaxidrop : (Vaccine dịch tả + Hội chứng giảm đẻ).

Binewvaxidrop : (Dịch tả + Hội chứng giảm đề + Viêm phế quản).

Gumbopest : (Dịch tả + Gumboro).

Bigopesi : (Dịch tả + Gumboro + Viêm phế quản).

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8° C tránh ánh sáng. Không được bảo quản ở đông lạnh.

CHICKOPEST

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh dịch tả gà.

Chai 300cc = 15.000 liều do Pháp sản xuất

Vaccine này được dùng kèm với Vaccine nhược độc HB1 (phòng bệnh dịch tả gà).

1) Thành phần trong mỗi liều Vaccine có :

— $10^{7.6}$ EID 50 Virus dịch tả vô hoạt.

-- Merthiolate 0,0067mg.

— Tá được nhũ dầu vừa đủ 0,2cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chủng lần 1 vào lúc 1-7 ngày tuổi. Chích dưới da liều 0,2cc/1 con. (Vaccine này được dùng cùng 1 lúc với Vaccine nhược độc HB1 - nhỏ mắt).

Chú ý : - Chỉ chủng ngừa cho gà khỏe mạnh.

— Không dùng ống chích có zoong và pittông cao su.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C, tránh ánh sáng và không giữ ở nhiệt độ đông lạnh.

GUMBORAL CT

Vaccin nhược độc đông khô phòng bệnh Gumboro
chai 1000-5000 liều do Pháp sản xuất

Virus trong Vaccin này đã được tuyển chọn có tính miễn dịch cao và an toàn. Virus được nuôi cấy trên môi trường tế bào phôi trứng.

1) Thành phần mỗi liều Vaccine có :

— 10^3 CCID 50 Virus nhược độc Gumboro chủng Lukert.

2) Liều lượng và cách dùng :

a) Đối với gà con sinh ra từ đàn gà bố mẹ đã được chủng ngừa Vaccine Gumboriffa (nhũ đầu).

— Chủng lần 1 lúc 21 ngày tuổi. Nhỏ mắt, mũi.

— Chủng lần 2 lúc 40 ngày tuổi. Nhỏ mắt mũi.

b) Đối với gà con sinh ra từ đàn gà bố mẹ không được

chủng Vaccine Gumboriffa hoặc chỉ được chủng bằng Vaccine nhược độc đông khô Gumboral CT.

— Chủng lần 1 lúc 7-12 ngày tuổi. Nhỏ mắt, mũi hoặc pha nước uống.

— Chủng lần 2 lúc 21-28 ngày tuổi. Cũng nhỏ mắt hoặc cho uống.

Chú ý : — Không dùng Vaccine này cho gà dưới 7 ngày tuổi.

— Không pha thuốc trong nước có Clor hoặc các chất diệt khuẩn khác.

— Trong lần chủng thứ 2 (ở phần b), nếu lần đầu chủng lúc 7 ngày thì lần 2 chủng lúc 21 ngày và tịnh tiến dần lên (8-22, 9-23, 10-24, 11-25, 12-26...)

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C tránh ánh sáng.

GUMBOPEST

Vaccine vô hoạt nhũ dầu bệnh Gumboro và dịch tả gà.

Chai 500 liều do Pháp sản xuất

Vaccine này dùng chủng ngừa cho đàn gà giống để tạo kháng thể truyền qua trứng vào gà con, giúp cho gà con được miễn dịch đồng đều ngay từ 1 ngày tuổi tới 10 ngày tuổi không bị nhiễm 2 bệnh trên.

1) Thành phần mỗi liều Vaccin có :

- $10^{5.7}$ CCID50 Virus vô hoạt gây bệnh Gumboro.
- 10^8 EID50 Virus chủng Texas gây bệnh dịch tả gà.
- Tá được nhũ dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

- Chủng cho gà hậu bị trước khi đẻ 2-4 tuần (tức 4-4,54 tháng tuổi) liều chích dưới da hay bắp ; 0,5cc/1 con.

Chú ý : - Lắc kỹ trước khi dùng.

- Không dùng ống tiêm có zoong và Pittông cao su.
- Chỉ dùng cho gà trước đây đã được chủng 2 loại Vaccine nhược độc dịch tả và Gumboro.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C tránh ánh sáng.

GUMBORIFFA

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh Gumboro
chai 1000 liều do Pháp sản xuất

Vaccine được dùng chủng cho gà đẻ để tạo miễn dịch truyền qua trứng cho gà con. Ở gà con sinh ra từ đàn gà bố mẹ đã được chủng ngừa Gumboriffa có thể đề kháng

được bệnh Gumboro từ 1-21 ngày tuổi, (mức độ bảo hộ từ 30-50%). Vaccine an toàn khi sử dụng.

1) Thành phần trong mỗi liều Vaccine có :

— $10^{5,7}$ CCID50 Virus Gumboro chủng VNJO.

— Tá được nhũ dầu vừa đủ, 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chủng cho gà hậu bị trước khi đẻ 2-4 tuần (Vào lúc 4-4.5 tháng tuổi). Chích dưới da hay bắp liều 0.5cc/1 con.

Chú ý : - Chỉ dùng sau khi gà giống đã chủng ngừa Vaccine Gumboral CT.

— Không dùng ống tiêm có zoong và pittông cao su vì chất dầu làm tan rã cao su.

— Có thể chích cùng 1 lúc Vaccine này với các loại Vaccine nhũ dầu khác như (Binewvac, Binewvaxidrop, Imopest).

— Chỉ chích cho gà khỏe mạnh.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C, tránh ánh sáng, không giữ đông lạnh.

BIORAL H120

Vaccine nhược độc đông khô phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm (I.L.T) Chai 1000-2000-5000 liều do Pháp sản xuất.

Vaccine được sản xuất từ tít Virus Massachussets. Virus này được nuôi cấy trên môi trường tế bào phôi trứng. Vaccine rất an toàn và thường dùng 1 ngày tuổi chung với Vaccine Pestos.

1) Thành phần trong một liều Vaccine có :

— 10^3 EID 50 Virus đông khô chủng H120 Massachussets.

2) Liều lượng và cách dùng :

Dùng cho gà giò và gà hậu bị :

— Chủng lần thứ nhất : 1 ngày tuổi.

— Chủng lần thứ hai vào lúc 3-4 tuần tuổi.

Cách dùng : Pha thuốc vào nước cất hay sinh lý mặn 9% nhỏ mắt, phun sương hoặc pha nước uống.

Chú ý : - Không pha thuốc trong nước có Clor.

— Không phun sương cho đàn gà đang bị bệnh Mycoplasma (CRD).

— Không dùng cho gà đang đẻ.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C, tránh ánh sáng.

BIORAL H52

Vaccine nhược độc đông khô phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm cho gà. Chai 1000-2000 liều do Pháp sản xuất.

— Vaccine Bioral H52 là loại Vaccine Virus nhược độc dòng H52 Massachusset, có độc lực mạnh hơn Vaccine Bioral 120 (Vaccine phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm), nên được dùng tái chủng tiếp theo sau Bioral 120. Vaccine rất an toàn, không có phản ứng khi sử dụng. Trừ khi đàn gà đang bị nhiễm bệnh CRD và E.Coli.

1) Thành phần trong 1 liều Vaccine có :

— 10^3 EID 50 Virus chủng H52 Massachussets.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chủng một lần vào lúc 14 tuần tuổi (2,5 tháng tuổi)

— Cách lần chủng Bioral 120 là 6 tuần pha nước cất hay sinh lý 9‰ nhỏ mắt, phun sương hoặc cho uống.

Chú ý :

- Không pha thuốc trong nước có Clor.
- Không dùng cho gà đang đẻ.
- Không dùng cho gà đang bị bệnh CRD và E.Coli.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2-8°C, tránh ánh sáng.

BINEXVAC

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm và dịch tả gà chai 500 liều do Pháp sản xuất.

Vaccine Binexvac đã được kiểm tra về độ an toàn và hoạt tính như ở Bigopest, dùng để chủng ngừa cho gà đẻ, để tạo miễn dịch cho gà con phòng 2 bệnh dịch tả và viêm thanh khí quản truyền nhiễm cho gà con trong giai đoạn 1-3 tuần đầu sau khi nở.

1) Thành phần trong mỗi liều Vaccine :

- $10^{6.7}$ EID 50 chủng Mass 41 của virus viêm thanh khí quản truyền nhiễm.
- 108 EID 50 chủng Texas virus dịch tả.
- Tá được vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

- Chích dưới da hay bắp thịt cho gà hậu bị trước khi đẻ 2-4 tuần (lúc 4-4,5 tháng tuổi) liều 0,5cc/con.

Chú ý :

- Không dùng cho gà đang bệnh.
- Lắc kỹ thuốc trước khi dùng.
- Không dùng ống chích có zoong và pittông cao su.
- Vaccine có thể dùng đồng thời hay phối hợp với các loại Vaccine vô hoạt như dầu khác như Gumboriffa.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$, tránh ánh sáng, không giữ ở nhiệt độ đông lạnh.

BIGOPEST

Vaccine vô hoạt như dầu phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm, dịch tả và Gumboro. Chai 500 liều do Pháp sản xuất.

Vaccin Bigopest hoàn toàn an toàn khi sử dụng thuốc không có phản ứng cục bộ hay toàn thân. Hoạt tính của vaccin đã được kiểm tra mỗi loại bằng phản ứng huyết thanh học. Thuốc dùng cho gà để để tạo miễn dịch cho gà con chống các bệnh trên ngay trong 3 tuần đầu mới nở.

1) Thành phần cho mỗi liều Vaccin có :

- $10^{7.8}$ EID 50 chủng Mass 41 của virus gây bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm.

— 10^8 EID 50 chủng Texas của virus dịch tả (Newcastle).

— $10^{5.7}$ CCID 50 chủng VNJO của virus Gumboro.

— Tá được dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chích thịt hay dưới da cho gà hậu bị trước khi đẻ 2-4 tuần (4-4,5 tháng tuổi) liều 0,5cc/1 con.

Chú ý :

— Chỉ chủng cho gà khỏe mạnh.

— Không dùng ống chích có zoong và pittông bằng cao su vì bị hỏng do chất nhũ dầu.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$, tránh ánh sáng. Không giữ ở nhiệt độ đông lạnh.

BINEWVAXIDROP

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng 3 bệnh : Viêm thanh khí quản truyền nhiễm, dịch tả và hội chứng giảm đẻ (1). Chai 500 liều do Pháp sản xuất

Vaccine Binewvaxidrop rất an toàn, không có phản ứng cục bộ hay toàn thân khi sử dụng. Vaccine đã được

(1) Bệnh hội chứng giảm đẻ - xem trong quyển 109 bệnh gia cầm tập 1 (sắp xuất bản).

kiểm tra huyết thanh lọc để xác định độ dài miễn dịch. Vaccine được dùng cho gà để tạo miễn dịch chủ động cho gà con sau khi nở từ 1-3 tuần đầu.

1) Thành phần mỗi liều vaccine có :

— $10^{6,7}$ EID 50 chủng Mass 41 của virus viêm thanh khí quản, truyền nhiễm.

— 10^8 EID 50 chủng Texas của virus dịch tả.

— 10^6 CCID 50 chủng 127 virus gây hội chứng giảm đẻ.

— Tá được dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chích dưới da hay bắp thịt cho gà trước khi đẻ 2-4 tuần (4-4,5 tháng tuổi).

Chú ý : - Dùng cho gà khỏe mạnh không bệnh.

— Lắc kỹ trước khi dùng.

— Không dùng ống chích có zoong cao su và pittông cao su để tiêm.

— Vaccine có thể dùng đồng thời hay phối hợp với vaccin Gumboriffa.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$, tránh ánh sáng.

NEWVAXIDROP

Vaccine vô hoạt, nhũ dầu phòng hội chứng giảm đẻ và dịch tả.
Chai 250cc do Pháp sản xuất

— 10^6 CCID 50 chủng A 127 virus vô hoạt gây hội chứng giảm đẻ.

— 10^6 EID 50 chủng Texas vô hoạt dịch tả.

• — Tá được dầu bổ trợ vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

Vaccine an toàn không có phản ứng sau khi chủng.
Dùng cho gà hậu bị cả gà giống và thương phẩm.

— Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/1 con. Cho gà hậu bị trước khi đẻ 2-4 tuần (lúc 4 tháng tuổi).

Chú ý : Không dùng ống chích có zoong và Pittong bằng cao su (chất dầu làm phản ứng tan cao su gây nên khi chích vaccin vào cơ thể).

— Có thể dùng chung cùng đợt với vaccin Gumboriffa nhưng chích ở vị trí khác (vaccin phòng bệnh Gumboro cũng do hãng Rhone Mérieux - Pháp sản xuất).

— Lắc kỹ chai trước khi chích.

— Chỉ dùng cho gà trước đây đã được chủng các loại vaccine dịch tả nhược độc.

3) Bảo quản :

Ở $2-8^{\circ}\text{C}$ tránh ánh sáng, không giữ đông lạnh.

— Chủng lần 2 lúc 35–45 ngày tuổi. Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/1 con.

— Chủng lần ba trước khi đẻ 2 tuần. Chích bắp hay dưới da liều 0.5 cc/1 con.

Chú ý : – Đối với gia cầm trên 3kg chích 1cc/con.

— Lắc kỹ thuốc trước khi dùng.

— Không dùng ống chích có zoong và pittông cao su.
Không dùng cho gà đang bệnh.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ 2–8°C, tránh ánh sáng, không giữ ở nhiệt độ đông lạnh.

HAEMOVAC

Vaccin vô hoạt với Hydroxide nhôm phòng bệnh cúm gà (1)

Chai 500 liều do Pháp sản xuất

Vaccin Haemovac được chế từ loại vi khuẩn. *Haemophilus paragallinarum* týp A và C. (Theo phương pháp phân loại týp huyết thanh của Page). Nếu theo cách phân loại của Sawata thì týp A và C tương ứng với

(1) Bệnh cúm gà xem trong quyển 109 bệnh gia cầm tập I

týp 1 và 2. Như vậy vaccine này có tác dụng phòng hầu hết các týp gây bệnh cúm của gà (viêm sổ mũi).

Chất bổ trợ Hydroxide nhôm có tác dụng giữ vaccine miễn dịch được kéo dài sau khi tiêm.

1) Thành phần mỗi liều vaccin có :

- $10^{8,7}$ vi khuẩn *Haemophilus Paragallinarum* týp A.
- $10^{8,7}$ vi khuẩn *Haemophilus Paragallinarum* týp C.
- 1,05mg Hydroxide nhôm + dung dịch muối 0,15M đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách sử dụng :

Dùng cho gà hậu bị giống thương phẩm và gà đẻ giống là chủ yếu.

— Chung lần 1 lúc 30 ngày tuổi. Chích bắp thịt liều 0,5cc/con.

— Chung lần 2 sau lần 1 từ 3-6 tuần. Chạm nhất trước khi đẻ 3 tuần. Chích bắp thịt liều 0,5cc/1 con.

Chú ý : - Lắc kỹ trước khi chích để vi khuẩn tan đều trong huyền dịch.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$, tránh ánh sáng. Không giữ đông lạnh.

GALLIMUNE

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh *Mycoplasma* (CRD) cho gà.
Chai 1.000 liều do Pháp sản xuất

Vaccine Gallimune là loại vi khuẩn chết được kết hợp với chất nhũ dầu, có tác dụng phòng bệnh CRD cho gà đẻ (một bệnh rất nguy hiểm cho gà đẻ gây giảm tỷ lệ trứng và rất tốn kém trong điều trị vì kháng sinh điều trị bệnh này rất đắt).

1) Thành phần trong mỗi liều vaccine có :

- 10^9 vi khuẩn *Mycoplasma gallisepticum*.
- Tá được nhũ dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

- Chung lần 1 vào lúc 3 tuần tuổi. Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/1 con.
- Chung lần 2 trước lúc đẻ 2-4 tuần (4-4,5 tháng tuổi). Chích bắp hay dưới da liều 0,5cc/1 con.

Chú ý : - Lắc kỹ trước khi dùng.

- Chỉ dùng cho đàn gà khỏe mạnh
- Không dùng ống chích có zoong và pittông cao su để chích.

3) Bảo quản : Ở nhiệt độ 2-8 độ C, tránh ánh sáng, không giữ đông lạnh.

DIFTOSEC CT

Vaccine nhược độc đông khô phòng bệnh trái gà.
Ampoule 1000 liều + dung môi - do Pháp sản xuất

Vaccin dùng cho gà con, gà giò và gà hậu bị trước khi đẻ.

1) Thành phần trong 1 liều vaccine có :

— 10^3 CCID 50 virus trái gà, chủng đồng hình DCEP 25.

2) Liều lượng và cách dùng :

+ Vùng có dịch bệnh trái thường xảy ra :

— Chung lần thứ nhất lúc 4 tuần tuổi.

— Chung lần thứ 2 lúc 4 tháng tuổi.

+ Vùng an toàn dịch.

— Chung 1 lần lúc 3-4 tháng tuổi.

Cách dùng : Dùng kim đâm xuyên qua màng da cánh hoặc chích 1 điểm ở gốc lông trên mặt da đùi. Kim có được chấm thuốc.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$. tránh ánh sáng không giữ dung môi pha ở nhiệt độ đông lạnh.

AVIAN REOVIRUS VACCINE

Vaccine vô hoạt nhũ dầu phòng bệnh viêm khớp và hội chứng suy giảm hấp thu thức ăn (1) chai 500 liều do Pháp sản xuất

Bệnh viêm khớp và suy giảm hấp thu thức ăn là 2 bệnh do cảm nhiễm Reovirus. Bệnh thường xảy ra ở gà con gây chậm lớn và tỷ lệ chết cao. Vaccine này dùng chích cho gà sắp đẻ để kháng thể sinh ra từ gà mẹ truyền qua trứng vào gà con, tạo khả năng kháng bệnh trong 3 tuần lễ đầu khi mới nở.

1) Thành phần trong 1 liều vaccine có :

— $10^{5,7}$ CCID 50 Avian Reovirus chủng CO8 (đã vô hoạt).

— Tá dược nhũ dầu vừa đủ 0,5cc.

2) Liều lượng và cách dùng :

— Chủng lần thứ nhất lúc 4-6 tuần tuổi. Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/con.

— Chủng lần thứ 2 trước khi đẻ 4 tuần. Chích dưới da hay bắp thịt liều 0,5cc/1 con.

Chú ý :

(1) Hội chứng suy giảm hấp thu thức ăn xem trong quyển 109 bệnh gia cầm tập 1

- Lắc kỹ trước khi dùng.
- Chỉ chích cho gà khỏe mạnh.
- Không dùng ống chích có zoong và pittông cao su vì chất dầu có phản ứng với cao su.

3) Bảo quản :

Ở nhiệt độ $2-8^{\circ}\text{C}$, tránh ánh sáng không giữ ở nhiệt độ đông lạnh.

MỤC LỤC

I- KHÁNG SINH NHÓM PENICILLIN

1- Penicillin G	- Thuốc bột chích	- Liên Xô sản xuất	5
2- Ampicillin	- Thuốc bột chích	- Pháp sản xuất	8
3- Novocin	- Thuốc bột chích	- Liên Xô sản xuất	12

II- KHÁNG SINH NHÓM AMINOSID

1- Streptomycine	- Thuốc bột chích	- Liên Xô SX	15
2- Kanamycine	- Thuốc nước chích	- Philipin sản xuất	17
3- Gentamycine	- Thuốc chích	- Pháp SX	20
4- Gentamycine	- Thuốc chích	- Philipin SX	23
5- Neomycin	- Thuốc bột pha uống	- Mỹ SX	24
6- Spectam Poultry	- Thuốc chích	- Pháp SX	25
7- Spectam Scour halt	- Thuốc uống	- Pháp SX	27
8- Spectam W.S Premix	- Trộn thức ăn	- Pháp SX	29
9- Spectam Large Animals	- Thuốc chích	- Pháp SX	30
10- Merimicine Buvable	- Thuốc bột và nước uống	- Pháp sản xuất	31
11- Merimicine 20,	- 100 dạng bột trộn thức ăn	- Pháp sản xuất	32
12- Merimicine 200 Infection	- Thuốc chích	- Pháp SX	33
13- Merisolone	- Thuốc chích	- Pháp SX	35
14- Mixtencilline	- Thuốc chích	- Pháp SX	37

III- CÁC LOẠI KHÁNG SINH KHÁC

1- Tiamutin	- Dạng Premix 10%	- Thụy Sĩ SX	39
2- Tiotilin 45%	- Dạng hạt hòa nước uống	- Thụy Sĩ sản xuất	42
3- Tiamulin 12.5%	- Dạng nước uống	- Thụy Sĩ SX	44
4- Tiotilin 10%	- Thuốc chích	- Thụy Sĩ SX	45
5- Lincomycin	- Thuốc uống và chích	- Canada SX	46
6- Iméquyl 10%	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp sản xuất	49
7- Iméquyl 20%	- Thuốc uống	- Pháp SX	52
8- Iméquyl 50%	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	54
9- Belcopeni 5	- Thuốc chích	- Pháp SX	56
10- Belcomycine S	- Thuốc chích	- Pháp SX	58
11- TYLO P-C	- Thuốc chích	- Nam Triều Tiên SX	60
12- Colibac FT 200	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Singapore SX	64
13- Poulstress TF 218	- Thuốc bột trộn TĂ	- Singapore SX	66
14- Terramycin E GG Formula	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Mỹ SX	67

IV- THUỐC TĂNG TRỌNG : VITAMIN VÀ KHOÁNG TỔNG HỢP

1- Fer-Dextran B12	- Thuốc chích	- Mỹ SX	69
2- Vitamin ADE 500	- Thuốc chích	- Pháp SX	71
3- Hématopan B12	- Thuốc chích	- Pháp SX	75
4- Polymicine	- Thuốc chích	- Pháp SX	78
5- Vitaperos	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	80
6- Vitamino 200	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	82
7- Vitamins và Electrolytes	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Mỹ SX	84
8- Shell - AID	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	86

V- THUỐC KÍCH THÍCH ĐẼ

1- Oxytocine	88
--------------	----

VI- THUỐC TRỊ GIUN (Lã)

1- Parasitol	90
--------------	----

VII- THUỐC TRỊ CẤU TRÙNG

1- Coccibio	- Thuốc uống	- Pháp SX	92
2- Coyden 25	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	94
3- Deccox	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	95
4- Lerbek	- Thuốc bột trộn thức ăn	- Pháp SX	96

VIII- VACCINE CHO GIA CẦM

1- Cryomarex	- Phòng bệnh Marke	- Pháp SX	98
2- Pestot	- Phòng bệnh dịch tả gà	- Pháp SX	99
3- Sotasec	- Phòng bệnh dịch tả gà	- Pháp SX	101
4- Imopest	- Phòng bệnh dịch tả gà	- Pháp SX	102
5- Chickopest	- Phòng bệnh dịch tả	- Pháp SX	104
6- Gumboral	- CT - Phòng bệnh Gumboro	- Pháp SX	105
7- Gumbopest	- Phòng bệnh Gumboro và dịch tả	- Pháp SX	106
8- Gumboriffa	- Phòng bệnh Gumboro	- Pháp SX	107
9- Bioral H120	- Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm	- Pháp SX	109
10- Bioral H52	- Phòng bệnh VTKQTN	- Pháp SX	110
11 Binexvac	- Phòng bệnh VTKQTN và dịch tả	- Pháp SX	111

12- Bigopest - Phòng VTKQTN + Dịch tả + Gumboro	- Pháp SX	112
13- Binewvaxidrop - Phòng viêm VTKQTN + Dịch tả + Hội chứng giảm đẻ	- Pháp SX	113
14- Newvaxidrop - Phòng dịch tả + Hội chứng giảm đẻ	- Pháp SX	115
15- OVC - 4 - Phòng viêm phế quản truyền nhiễm + Hội chứng giảm đẻ + Bệnh sưng phù đầu gà	- Pháp SX	116
16- Avicolivac	- Phòng bệnh E. Coli gà - Pháp SX	117
17- Haemovac	- Phòng bệnh cúm gà - Pháp SX	118
18- Gallimune	- Phòng bệnh Mycoplasma (CRD) - Pháp SX	120
19- Diftosec CT	- Phòng bệnh trái gà - Pháp SX	121
20- Avian Reovirus Vaccine - Phòng bệnh viêm khớp và bệnh suy giảm hấp thu thức ăn	- Pháp SX	122
• Kháng sinh đồ ứng dụng điều trị bệnh ở vùng Đông Nam Á		128

KHÁNG SINH ĐỒ ỨNG DỤNG ĐIỀU

NHÓM KHÁNG SINH	TÊN VI KHUẨN GÂY BỆNH	GRAM (+)r					
		COCCI			BACILLI		
		Staphylococcus	Streptococcus	Erysipelothrix rhusiopathiae	Corynebacterium	Clostridium...	Bacillus...
		Nhiễm trùng huyết và viêm vú	Nhiễm trùng huyết và viêm vú	Đông máu sọ	Nhiễm trùng huyết và viêm vú	Phong đòn gánh và ung khí thần	Nhiệt thần
A	B	1	2	3	4	5	6
PENICILLINS	Penicillin G Cloxacillin Dicloxacillin Nafcillin Ampicillin Amoxicillin Mecillinam	++	++	++	++	++	++
CEPHALOSPORINS	Cefalonium Cefazolin						
LINCOMYCIN	Lincomycin	+	+			+	+
PEPTID	Colistin (Bencospira S)						

LI BỆNH Ở VÙNG ĐÔNG NAM Á

[illegible]

A	B	1	2	3	4	5
AMINOSID	Streptomycin Kanamycin Neomycin Gentamycin Apramycin Spectinomycin	+	+		+	
MACROLID	Kitasamycin Spiramycin (Suanovil) Tylosin (Tylan)	+	+	+	+	+
CHLORAMPHENICOL	Chloramphenicol	+	+		+	+
TETRACYCLINES	Oxytetracycline Chlortetracycline Doxycycline	+	+	+	+	+
CÁC NHÓM KHÁC	Tiamutin Bicizamycin Sedecamycin Fosfomycin	+	+		+	+
NITROFURANS	Furazolidon	+	+			
SULFONAMIDES	Sulfamethoxine Sulfadimethoxine Sulfamethoxazole	+	+			
CARBADOX	Mecadox Qxolinic Thiamphenical	+	+		+	+

I- HƯỚNG DẪN CÁCH DÙNG :

- Dấu (++) biểu thị kháng sinh có tác dụng rất tốt cho vi khuẩn gây (đặc trị bệnh).
- Dấu (+) kháng sinh có tác dụng với vi khuẩn nhưng không mạnh.
- Không có dấu (+) tức là kháng sinh không có tác dụng với vi gây bệnh

II- LƯU Ý :

- Kháng sinh đổ ở nơi này không hoàn toàn áp dụng điều trị bệnh nơi khác vì : Tùy thuộc vào mức độ dùng thuốc kháng sinh ở mỗi khuẩn có thể lớn thuốc ở vùng này nhưng vùng khác lại không.
- Dùng 1 loại kháng sinh phòng và trị liên tục trong các liệu trình con hay 1 đàn gia súc, gia cầm thì dễ bị lớn thuốc. Nên thay kháng sinh mỗi liệu trình điều trị hoặc phối hợp nhiều loại có tác dụng hiệp đồng khuẩn thì tốt hơn.

7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	C	D
+	+	+	+	+	+	+		++						Kém Được	Kém Được
+	+	+	+	+	++	++									
+	+		+	+	+	+	++				+			Tốt	Tốt
		+								++	+	+			
+	+	+	+	++	+	+						+	+	Tốt	Tốt
+	+	+	+	+	+	+		+				+	++	Tốt	Tốt
		+	+	+					++	++					
		+	+	+		+			++	++				Tốt Kém Kém Tốt	Được Kém Được
	+	+	+	+	+									Được	
+	++	+	+											Tốt	Tốt
+	+	+	+	+				++							
			+	+										Kém Tốt Tốt	Được Tốt

**HƯỚNG DẪN CHĂN NUÔI VÀ TRỒNG TRỌT
65 LOẠI THUỐC THÚ Y NGOẠI NHẬP**

Tác giả : TS. NGUYỄN XUÂN BÌNH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐẶNG TẤN HƯƠNG

Biên tập : **VŨ ĐỨC TÚ**

Sửa bản in: **ANH VŨ**

In 1.000 bản khổ 13 x 19. In tại **XÍ NGHIỆP IN TIỀN GIANG**.

Số đăng ký KHXB : 01 KHKT - 269/CXB

Cục xuất bản cấp ngày: 21-3-2000

Quyết định xuất bản số: 786 ngày 29/12/2000

In xong và nộp lưu chiểu tháng 02 năm 2001

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai, số 4, Nguyễn Trãi, TP. Biên Hòa-Đồng Nai

Điện thoại : (061) 822613 - Ban Biên tập : (061) 825292.

Ban Giám đốc: (061) 847884 - FAX : (061) 840331

EMAIL: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

PACOMA

Chỉ dùng trong thú y

Pacoma là loại thuốc sát trùng do hãng EISAI – Nhật nghiên cứu sản xuất có phổ kháng khuẩn rộng trên hầu hết các loại virus, vi trùng, nấm bệnh ngay cả *Mycoplasma*. Hiệu quả sát trùng cao, an toàn cho người và vật nuôi.

Pacoma được người chăn nuôi chọn lọc kỹ từ nhiều loại thuốc sát trùng khác nhau trên thế giới, được sử dụng để diệt virus gây bệnh dịch tả heo (Hog cholera) và dịch tả gà (New Castle), virus gây bệnh Gumboro và virus gây bệnh lở mồm long móng trâu bò, heo... Ngoài ra Pacoma còn có khả năng tiêu diệt virus gây bệnh bạch cầu trên gia cầm (Leukemia) cũng như các loại vi sinh vật khác như vi trùng, nấm bệnh và *Mycoplasma*. Pacoma được người chăn nuôi thế giới công nhận là loại thuốc sát trùng có phổ kháng khuẩn rộng mang lại hiệu quả và lợi nhuận cao trong chăn nuôi heo, gà, vịt, cút, chim, bò sữa công nghiệp.

ỨNG DỤNG :

Nên loại bỏ các chất bẩn và làm sạch nơi sát trùng trước khi dùng Pacoma để đạt hiệu quả cao và tiết kiệm.

I- Chăn nuôi :

1- Sát trùng chuồng trại chăn nuôi :

— Sát trùng chuồng trại chăn nuôi, máng ăn, máng uống, vật dụng chăn nuôi, xe chuyên chở và nhà máy chế biến...

— Liều sử dụng : 1/500–1/2.000.

2- Sát trùng gia súc, gia cầm : phun xịt trực tiếp :

— Phun xịt trực tiếp lên heo, bò, gà, vịt, chim 1 ngày 1 lần để phòng chống các bệnh truyền nhiễm do virus, vi trùng, nấm bệnh, *Mycoplasma* gây ra.

— Liều sử dụng : 1/500–1/2.000.

3- Sát trùng thiết bị chứa đựng và tiết trùng sữa :

— Sát trùng thùng đựng sữa, vật dụng vắt sữa, thiết bị hấp sữa, nồi hấp, vật dụng đựng sữa.

— Liều sử dụng : 1/500–1/2.000.

4- Sát trùng vú bò sữa, dê sữa, trâu sữa, heo nái :

— Sát trùng vú trước khi vắt sữa hoặc cho bú.

— Liều sử dụng : 1/500–1/2.000.

5- Sát trùng máy ấp, lò ấp và trứng giống :

— Phun xịt máy ấp trứng, lò ấp trứng, những trứng giống 5 phút vào dung dịch Pacoma đã pha sẵn trước khi xếp vào máy ấp.

— Liều sử dụng : 1/500–1/2.000.

6- Sát trùng nguồn nước :

— Sát trùng nguồn nước uống, nguồn nước chăn nuôi để chống các bệnh do virus, vi trùng, nấm bệnh...

— Liều sử dụng : 1/100–1/500.

II- Thú y :

1- Sát trùng trang thiết bị điều trị và truyền giống :

— Nhúng hoặc lau chùi các dụng cụ dùng trong điều trị hoặc truyền giống trong dung dịch Pacoma pha sẵn theo tỷ lệ trong vòng 30 phút.

— Liều sử dụng : 1/50–1/400.

2- Sát trùng vết thương, nơi giải phẫu :

— Sát trùng các vết thương, vết loét trên cơ thể vật nuôi hoặc giải phẫu.

— Liều sử dụng : 1/100–1/2.000.

3- Sát trùng vật dụng giải phẫu :

— Sát trùng các vật dụng dùng trong giải phẫu : kéo, dao, ben, hộp đựng...

— Liều sử dụng : 1/100–1/2.000.

Mời các bạn tìm đọc !

1. *Điều trị bệnh heo* (Heo nái, heo con, heo thịt) – NXB. TH Đồng Nai – Năm 2000.
2. *Kinh nghiệm nuôi heo* (Heo thịt, heo nái, heo con heo dục giống) – NXB. TH Đồng Nai – Năm 2000.
3. *Kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho Gà* (Gà công nghiệp, gà tàu, gà ri) – NXB. TH Đồng Nai – Năm 2000.
4. *Hướng dẫn kỹ thuật nuôi cút* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 2000.
5. *Kỹ thuật chăn nuôi và phòng trị bệnh cho vịt* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 2000.
6. *Điều trị 14 bệnh ghép trên đàn gà vịt* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 1999.
7. *109 bệnh gia cầm* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 1999.
8. *65 loại thuốc thú y ngoại nhập* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 1999.
9. *50 loại thuốc ngoại nhập đặc trị bệnh gia súc gia cầm* – NXB. TH Đồng Nai – Năm 1999.

Phát hành tại:

CÔNG TY PHÁT HÀNH SÁCH LONG AN

Số 51, Trương Định – P.1 – TX. Tân An – Long An

Đ 65 loại thuốc thú y ngoại nhập 22533



1

004052

701761

Giá 8.000đ